



CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG
806 Âu Cơ, P. Tân Bình, TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15.26 CV/VID-HĐQT

TP.HCM, ngày 17 tháng 04 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
- Mã chứng khoán: VID
- Địa chỉ trụ sở chính: 806 Âu Cơ, Phường Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028.38428633 Fax: 028.38425880
- E-mail: info@dautuviendong.vn Website: <https://dautuviendong.vn>
- Nội dung thông tin công bố : Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông xin công bố : Báo cáo thường niên năm 2025
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/04/2026 tại đường dẫn : www.dautuviendong.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng,

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2025





Báo cáo thường niên 2025

MỤC LỤC



01

THÔNG TIN CHUNG

| | |
|------------------------------------|----|
| Thông tin khái quát | 6 |
| Quá trình hình thành và phát triển | 8 |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 10 |
| Mô hình quản trị | 12 |
| Định hướng phát triển | 16 |
| Các loại rủi ro | 20 |

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

| | |
|----------------------------------------------------|----|
| Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 26 |
| Tổ chức và nhân sự | 28 |
| Báo cáo phát triển bền vững | 36 |
| Tình hình tài chính | 46 |
| Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 48 |

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| | |
|-------------------------------------------------------|----|
| Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 52 |
| Tình hình tài chính | 54 |
| Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | 56 |
| Kế hoạch phát triển trong tương lai | 57 |

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

| | |
|---------------------------------------------------------------------------|----|
| Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty | 60 |
| Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty | 62 |
| Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị | 63 |

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Hội đồng quản trị | 68 |
| Ban Kiểm soát | 72 |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát | 76 |

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

| | |
|----------------------------------|----|
| Ý kiến kiểm toán | 86 |
| Báo cáo tài chính được kiểm toán | 88 |



01

Thông tin chung

THÔNG TIN CHUNG

| | |
|------------------------------------|----|
| Thông tin khái quát | 6 |
| Quá trình hình thành và phát triển | 8 |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 10 |
| Mô hình quản trị | 12 |
| Định hướng phát triển | 16 |
| Các loại rủi ro | 20 |

TÂM NHÌN

Với phương châm Giáo dục là nền móng cho sự phát triển bền vững của một quốc gia, CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông luôn phấn đấu trở thành một tổ chức đầu tư có uy tín nhất trong lĩnh vực phát triển hạ tầng và công nghệ có liên quan đến Giáo dục. Chúng tôi tin rằng giá trị lớn nhất của xã hội nằm ở con người, sự tương tác quan trọng nhất là giữa người với người và tương lai của một đất nước phụ thuộc vào những con người trẻ.



SỨ MỆNH

Dù ở trong bất kỳ bối cảnh xã hội nào, chúng tôi vẫn tin tưởng một cách xác tín rằng doanh nghiệp vẫn luôn có thể kinh doanh bằng sự TỰ TẾ, giữ vững tâm thế người KIẾN TẠO và dựa trên một nền tảng CHÍNH TRỰC. Thông điệp “VIỄN ĐÔNG - VÌ CỘNG ĐỒNG” muốn nhấn gửi rằng công ty vốn chưa bao giờ là một cá thể độc lập. Chúng tôi tồn tại để lan tỏa và cộng hưởng các giá trị nhằm tạo ra những điểm tác động lớn hơn, nhắm đến những vấn đề nhức nhối hơn và mong muốn góp phần gây dựng một thế hệ trẻ Việt Nam sống đoàn kết và đầy thao thức phụng sự Đất Nước.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Trên tinh thần đề cao sự cộng tác, tinh chuyên nghiệp và thể hiện được thông điệp sứ mệnh quan trọng của công ty: “Vi Cộng Đồng”, tất cả những hoạt động của chúng tôi nhấn mạnh vào 4 giá trị cốt lõi:

1

Rèn luyện thân thể:
Đeo dai, khỏe mạnh

2

Tôn vinh giá trị gia đình:
Chia sẻ và trách nhiệm

3

Chuyên nghiệp trong công tác:
Đoàn kết, chính chu

4

Tạo giá trị cho xã hội:
Cống hiến, nhiệt tâm



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG

Tên tiếng Anh VIENDONGINVESTMENTDEVELOPMENT TRADING CORPORATION
Tên viết tắt VIDON CORP

Mã chứng khoán VID

Sàn niêm yết HOSE

Giấy chứng nhận ĐKDN Số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp lần đầu ngày 24/10/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 10/10/2025

Vốn điều lệ 408.360.690.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu 408.360.690.000 đồng

Trụ sở chính 806 Âu Cơ, Phường Tân Bình, TP. HCM

Điện thoại (028) 38428633

Fax (028) 38425880

Website www.dautuviendong.vn

Công ty kiểm toán độc lập CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2018

Công ty bầu bổ sung thêm thành viên độc lập HĐQT, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức, Quy chế nội bộ để nâng cao quản trị và hệ thống pháp lý. Trong năm Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho năm tài chính 2017 với tỷ lệ 20% (bao gồm 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu).

2019

Công ty đã tận dụng cải tạo và sửa chữa các hạng mục công trình hiện có trở thành Trường trung học phổ thông Việt Mỹ Anh địa chỉ tại 806 Âu Cơ, Phường 14, Quận Tân Bình và chính thức đưa trường vào hoạt động từ tháng 08/2019.

2020 - 2022

Với sự phát triển bền vững, thành công trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính trong 3 năm liên tục từ năm 2020 đến năm 2022 Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức lần lượt qua các năm là 10%, 15% và 15% tăng vốn điều lệ từ 208,7 tỷ đồng lên 408,36 tỷ đồng.

Từ năm 2023 đến nay

Công ty tiếp tục đạt được sự phát triển ổn định và bền vững thông qua việc duy trì và tăng cường hiệu suất kinh doanh cùng với cam kết thực hiện nghĩa vụ chi trả cổ tức 5% bằng tiền cho cổ đông.

1974

Công ty chính thức được thành lập vào ngày 15/04/1974 với tên gọi Công ty Viễn Đông Kỹ nghệ Giấy (VIDOGICO).

2000

Lần gió đổi mới toàn diện và cổ phần hóa theo chủ trương của nhà nước một cách hiệu quả đã giúp cho Công ty Viễn Đông vươn lên mạnh mẽ, trở thành doanh nghiệp có uy tín cao đối với khách hàng trong và ngoài nước.

2006

Ngày 25/12/2006, Công ty chính thức được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VID.

2009


Công ty chính thức đổi tên thành CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông.


2017


Hoàn thành cơ bản việc tái cơ cấu doanh nghiệp và tái cơ cấu tài chính, chuyển đổi doanh nghiệp theo mô hình holdings.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- 

1 Sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các sản phẩm từ giấy.
- 

2 Đầu tư tài chính vào các công ty con, công ty liên kết.
- 

3 Giáo dục các bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp (không hoạt động tại trụ sở); Giáo dục hướng nghiệp tâm lý học đường.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh cũng như thị trường mà CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông đang hoạt động hiện nay trải dài từ các tỉnh miền trung vào miền nam. Trong đó, địa bàn hoạt động trọng điểm của Công ty là tại TP. Hồ Chí Minh.

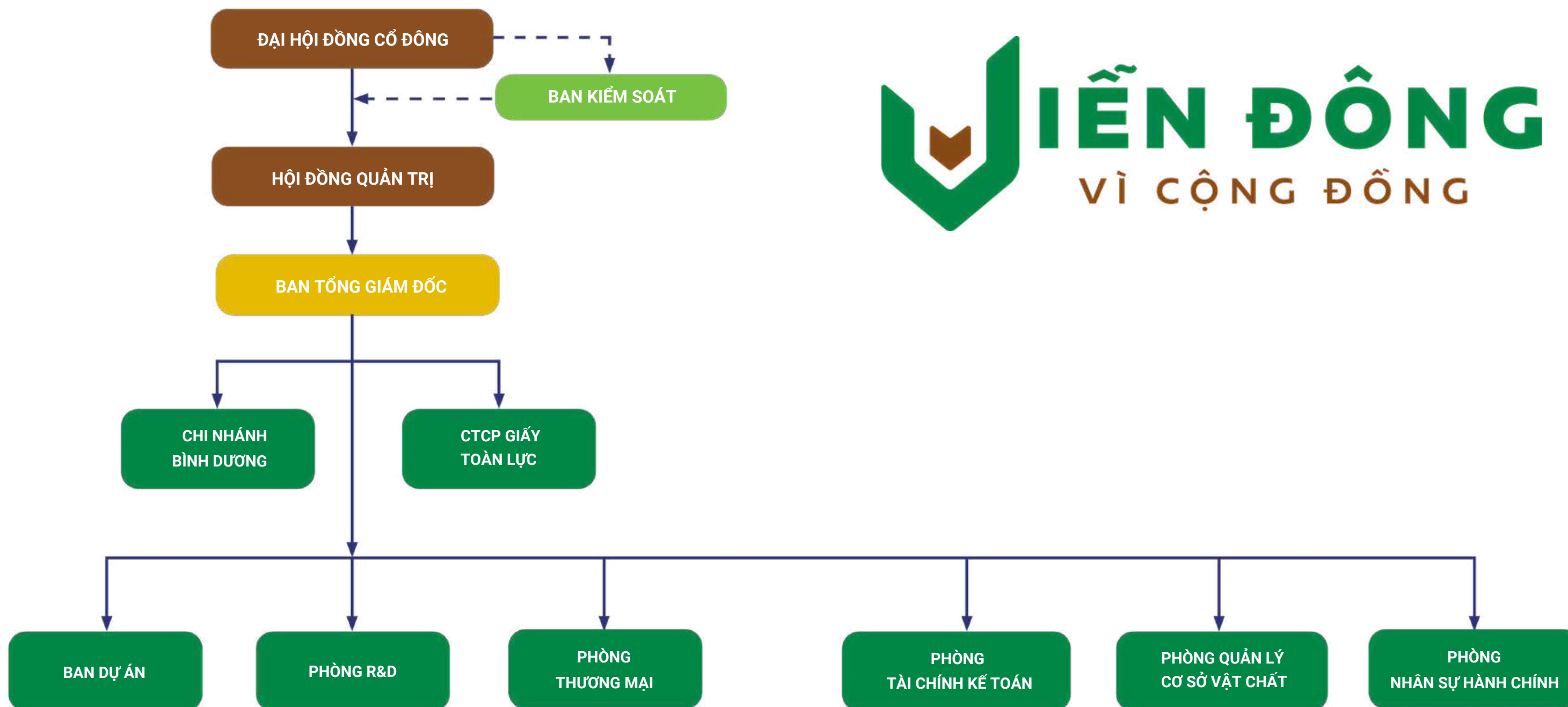


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, mô hình quản trị công ty gồm: ĐHĐCĐ, HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CÔNG TY CON

| STT | Tên Công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực SXKD chính | VĐL thực góp (Đồng) | Tỷ lệ sở hữu của VID |
|-----|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------------------|----------------------|
| 1 | CTCP Giấy Toàn Lực | Lô A2-8, Đường N5, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, Xã Tân An Hội, TP Hồ Chí Minh | Thương mại xuất nhập khẩu | 184.887.018.700 | 51,03% |



CÔNG TY LIÊN KẾT

| STT | Tên Công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực SXKD chính | VĐL (Đồng) | Tỷ lệ sở hữu của VID |
|-----|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|----------------|----------------------|
| 1 | CTCP Công nghệ Sài Gòn Viên Đông | Phó Cơ Đều, Văn hóa, giáo dục Phường Minh Phụng, TP Hồ Chí Minh | Điều, Văn hóa, giáo dục | 33.745.517.000 | 33,27% |
| 2 | CTCP Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | 11B Hòa Bình, Phường Lâm Đại lý mua bán vật tư văn hóa thông tin, VPP, Mỹ phẩm tặng phẩm, dụng cụ học sinh, đồ chơi trẻ em và cho thuê văn phòng | 11B Hòa Bình, Phường Lâm | 14.841.400.000 | 32,98% |
| 3 | CTCP Đầu tư Phát triển Hoàng Việt | Lạc Long Quân, Giáo dục mầm non, giáo dục trung học cơ sở và trung học | Lạc Long Quân, Giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, đào tạo ngoại ngữ và tin học | 49.232.000.000 | 28,33% |
| 4 | CTCP Chè Minh Rồng | Khu 1B, Xã Bảo Lâm 1, Trông, Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu chè, cà phê, nông sản | Khu 1B, Xã Bảo Lâm 1, Trông, Kinh doanh, chế biến và xuất khẩu chè, cà phê, nông sản | 4.749.311.440 | 27,04% |



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Các mục tiêu chủ yếu để hiện thực hóa chiến lược phát triển bền vững dài hạn của công ty, bao gồm:



Xây dựng và giữ vững thương hiệu, đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài, vững chắc.



Tiếp tục chuyển đổi hoạt động doanh nghiệp gắn kết với tái cơ cấu tài chính, để trở thành một công ty holdings ngày càng lớn mạnh.



Soát xét các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty con và các Công ty liên kết, tăng cường hiệu quả đầu tư. Đẩy mạnh đầu tư vào các Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực giáo dục với nhiều tiềm năng phát triển, tỷ suất lợi nhuận cao và ổn định lâu dài.



Duy trì và phát triển văn hoá doanh nghiệp, thương hiệu Viễn Đông trên thị trường Việt Nam và các nước trong khu vực.



Tôn trọng và bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của cổ đông, nhà đầu tư: công bố thông tin về hoạt động Đầu tư - Kinh doanh - Tài chính theo quy định của pháp luật.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

PHÁT HUY NỘI LỰC

- NÂNG TẦM GIÁO DỤC

Tập trung đầu tư vào phát triển giáo dục dựa trên nền tảng kinh nghiệm và nguồn lực được tích lũy qua nhiều năm, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đồng thời tạo ra nhiều cơ hội học tập và phát triển bền vững cho cộng đồng.

NÂNG CAO QUẢN TRỊ

- TỐI ƯU VẬN HÀNH

Đẩy mạnh các hoạt động đổi mới và cải tiến trong công tác quản lý, áp dụng các phương pháp quản lý hiệu quả kết hợp với việc áp dụng các công cụ công nghệ thông tin hiện đại nhằm tối ưu hóa quy trình và chi phí trong hoạt động vận hành của Công ty.

KHƠI NGUỒN CẢM HỨNG

- ĐỔI MỚI TƯ DUY

Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, mang tính sáng tạo và truyền cảm hứng, nhằm khuyến khích sự đổi mới trong kinh doanh như: thiết kế không gian làm việc mở, tạo điều kiện để nhân viên tự do thể hiện ý tưởng và ý kiến.

CỦNG CỐ VỊ THẾ

- VƯỢN TẦM HỢP TÁC

Tăng cường và củng cố mối quan hệ liên kết - hợp tác với các đối tác hiện hữu, đồng thời chủ động tìm kiếm các nhà đầu tư và nhà cung cấp uy tín mới có uy tín trong và ngoài nước nhằm mở rộng cơ hội hợp tác chiến lược.

PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

- GẮN KẾT NHÂN TÀI

Chú trọng phát triển chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, đi đôi với các chính sách lương thưởng, phúc lợi phù hợp và cơ hội thăng tiến rõ ràng cho CBNV, tạo động lực gắn bó lâu dài với Công ty.



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Với tinh thần Viễn Đông - Vì cộng đồng, công ty nhận thức và cam kết rằng, tất cả hoạt động của công ty đều liên quan đến trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng, là phần không thể tách rời trong hệ thống quản lý và văn hóa công ty.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong toàn bộ quy trình sản xuất và kinh doanh, hạn chế tối đa việc sử dụng nguyên liệu và vật liệu chứa thành phần độc hại. Công ty tích cực chuyển sang sử dụng giấy tái chế và nguyên liệu xanh, thân thiện với môi trường, đồng thời triển khai các quy trình sản xuất tiết kiệm năng lượng và giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

Bên cạnh đó, Công ty tổ chức các chiến dịch nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, khuyến khích sự tham gia tích cực vào các hoạt động ủng hộ và tuyên truyền vì môi trường. Công ty cũng không ngừng phát triển các sản phẩm giấy và bìa giấy thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong khi vẫn đảm bảo một môi trường xanh và một xã hội phát triển bền vững.

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- Trong suốt quá trình phát triển, Công ty luôn theo đuổi chiến lược chia sẻ giá trị và đóng góp tích cực vào cộng đồng. Công ty đã và đang triển khai nhiều hoạt động trách nhiệm xã hội, hợp tác chặt chẽ với các cơ quan chính quyền địa phương, đối tác và cộng đồng để thực hiện các dự án phát triển bền vững và các chương trình thiện nguyện. Những hoạt động này không chỉ giúp nâng cao nhận thức và năng lực xã hội mà còn lan tỏa tinh thần sẻ chia, hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn, góp phần xây dựng một cộng đồng gắn kết và vững mạnh.
- Trách nhiệm xã hội của Công ty thể hiện qua việc xây dựng một môi trường làm việc tích cực, khuyến khích sự hợp tác và chia sẻ ý tưởng giữa các nhân viên thông qua không gian làm việc mở. Để tạo động lực phát triển lâu dài cho đội ngũ nhân viên, Công ty xây dựng chính sách phúc lợi hợp lý, đảm bảo quyền lợi và phát triển nghề nghiệp bền vững. Đây là yếu tố không chỉ giúp đảm bảo công việc ổn định mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững trong hoạt động kinh doanh và cải thiện chất lượng cuộc sống cho nhân viên, vì Công ty coi nhân sự là tài sản quý giá không chỉ của riêng mình mà còn của toàn xã hội.
- Với cam kết chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng, Công ty phối hợp cùng các tổ chức, đối tác uy tín để tổ chức các hoạt động thiện nguyện. Những hoạt động này luôn nhận được sự tham gia nhiệt tình của Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên, cùng chung tay góp phần xây dựng một cộng đồng phát triển và ổn định.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO



RỦI RO KINH TẾ

Năm 2025, kinh tế Việt Nam tiếp tục khẳng định xuất khẩu trọng điểm như Mỹ vẫn đối mặt với vị thế là điểm sáng trong khu vực khi duy trì được bài toán tăng trưởng yếu đi do tác động chậm đà phục hồi và tăng trưởng ấn tượng. Theo số của chính sách tiền tệ thắt chặt, cùng với áp lực liệu từ Tổng cục Thống kê, GDP năm 2025 tăng từ việc tái cấu trúc chuỗi cung ứng toàn cầu và 8,02% so với năm trước, hoàn thành tốt các mục các rào cản thương mại mới gây ảnh hưởng lớn tiêu Chính phủ đề ra. Bên cạnh đó, các cân đối đến tình hình thương mại thế giới. Trước bối cảnh vĩ mô lớn được đảm bảo, chỉ số giá tiêu dùng cảnh đó, với vị thế là doanh nghiệp hoạt động CPI bình quân năm 2025 được kiểm soát ổn định trọng yếu trong hai lĩnh vực kinh doanh Giấy và dưới 4%, và chỉ số PMI cuối năm đạt mức 53,0, Giáo dục, Công ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển đứng thứ hai trong khu vực tại Châu Á. Nhìn Thương Mại Viễn Đông phải chịu tác động đa chung, sự ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô chiều từ các yếu tố vĩ mô như biến động tỷ giá, trong nước năm 2025 đã tạo “bệ đỡ” vững chắc, chi phí nguyên liệu và lạm phát gây ảnh hưởng thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp an tâm đến nền kinh tế và xu hướng tiêu dùng của toàn đầy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy cầu. Riêng đối với mảng kinh doanh Giấy thuộc nhiên, trái ngược với sự ổn định trong nước, bức lĩnh vực xuất - nhập khẩu phải gánh chịu thêm tranh kinh tế toàn cầu năm 2025 vẫn đan xen các dư chấn từ các cuộc chiến tranh thương mại nhiều gam màu xám với sự phân hóa rõ rệt giữa và xung đột địa chính trị xảy ra gây ảnh hưởng các khu vực. Các nền kinh tế lớn và là thị trường lớn lên chuỗi cung ứng của toàn khu vực.

Biện pháp quản trị:

Nhận diện rõ những cơ hội và thách thức, Ban lãnh đạo Công ty đã duy trì sự cẩn trọng và linh hoạt trong công tác điều hành, thường xuyên theo dõi sát sao diễn biến thị trường để đưa ra các quyết sách kịp thời về quản trị tồn kho và dòng tiền ổn định, bên cạnh đó tập trung cho việc hỗ trợ các công ty con và công ty liên kết. Sự chủ động này không chỉ giúp Công ty giảm thiểu các rủi ro từ biến động ngoại cảnh mà còn bảo đảm sự ổn định, tạo nền tảng vững chắc cho chiến lược phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo.



RỦI RO TỶ GIÁ

Trải qua một năm với nhiều biến động, áp lực (3,75%). Động thái hạ lãi suất của các cường lạm phát tại các nền kinh tế lớn trên thế giới quốc kinh tế đã góp phần thu hẹp chênh lệch đã hạ nhiệt, với chỉ số CPI tại Mỹ giảm xuống lãi suất giữa VND và USD qua đó giảm bớt sức mức bình quân (2.70%), tạo tiền đề quan trọng góp lên thị trường ngoại hối trong nước. Tuy để các Ngân hàng Trung ương tiếp tục nới lỏng, tỷ giá USD/VND trong năm 2025 vẫn lỏng chính sách tiền tệ nhằm kích thích tăng duy trì xu hướng tăng, chạm mức (VND 26,14) trường kinh tế toàn cầu vốn đang có dấu hiệu tại thời điểm cuối năm (theo tỷ giá chứng lại. Cụ thể, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Vietcombank) nguyên nhân do lượng tiền lớn (FED) đã thực hiện cắt giảm lãi suất 3 lần được bơm ra thị trường nhằm hỗ trợ tăng trong năm 2025, đưa lãi suất điều hành giảm trường kinh tế theo mục tiêu được đề ra.

xuống biên độ (3,50%) -

Biện pháp quản trị:

Đối với hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông, đặc biệt tại Công ty con chuyên về lĩnh vực giấy, biến động tỷ giá và thị trường hàng hóa đã tác động trực tiếp đến cơ cấu chi phí. Trước bối cảnh với nhiều biến động khó lường, Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp quản trị rủi ro hợp lý, nhờ đó biên lợi nhuận gộp của Công ty vẫn được giữ ổn định thông qua việc tối ưu hóa tồn kho và giám sát liên tục diễn biến thay đổi của thị trường, đồng thời duy trì mối quan hệ hợp tác bền vững với các bên đối tác để đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty.

CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO PHÁP LUẬT

Công ty luôn chú tâm đến các vấn đề liên quan đến pháp luật do đặc thù kinh doanh của ngành, đối với lĩnh vực Giáo dục, hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh trực tiếp bởi Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn từ Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bất kỳ sự thay đổi nào trong quy chế tuyển sinh, chương trình đào tạo hay chính sách xã hội hóa giáo dục đều có thể tác động đến chiến lược và hiệu quả đầu tư dài hạn của mảng này. Song song đó, với hoạt động thương mại quốc tế, Công ty phải thích ứng với môi trường pháp lý đa quốc gia. Các rủi ro chủ yếu đến từ sự khác biệt trong hệ thống luật pháp, sự thay đổi linh hoạt của chính sách thuế quan, các biện pháp phòng vệ thương mại hay các quy định khắt khe về sở hữu trí tuệ và nguồn gốc xuất xứ tại các thị trường xuất khẩu mục tiêu.

Biện pháp quản trị:

Để chủ động hóa giải các thách thức này, Ban lãnh đạo Công ty duy trì cơ chế thường xuyên cập nhật, phân tích các thay đổi trong chính sách vĩ mô và quy định chuyên ngành nhằm điều chỉnh cơ chế vận hành kịp thời, phù hợp. Thông qua việc phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý và cam kết duy trì sự minh bạch trong mọi hoạt động, Viễn Đông không chỉ giảm thiểu tối đa các rủi ro pháp lý có thể ảnh hưởng đến tài chính và thương hiệu, mà còn kiến tạo nền tảng pháp lý vững chắc, gia tăng năng lực cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển bền vững.



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Trong xu thế phát triển kinh tế toàn cầu hiện nay, rủi ro môi trường và biến đổi khí hậu đã trở thành những biến số trọng yếu tác động trực tiếp đến sự ổn định của chuỗi cung ứng, đặc biệt đối với lĩnh vực kinh doanh giấy – mảng hoạt động cốt lõi tại đơn vị thành viên của Viễn Đông. Bên cạnh đó các yêu cầu và quy định về vấn đề liên quan đến môi trường ngày càng khắt khe yêu cầu cách doanh nghiệp phải thực hiện chuyển đổi để đáp ứng.

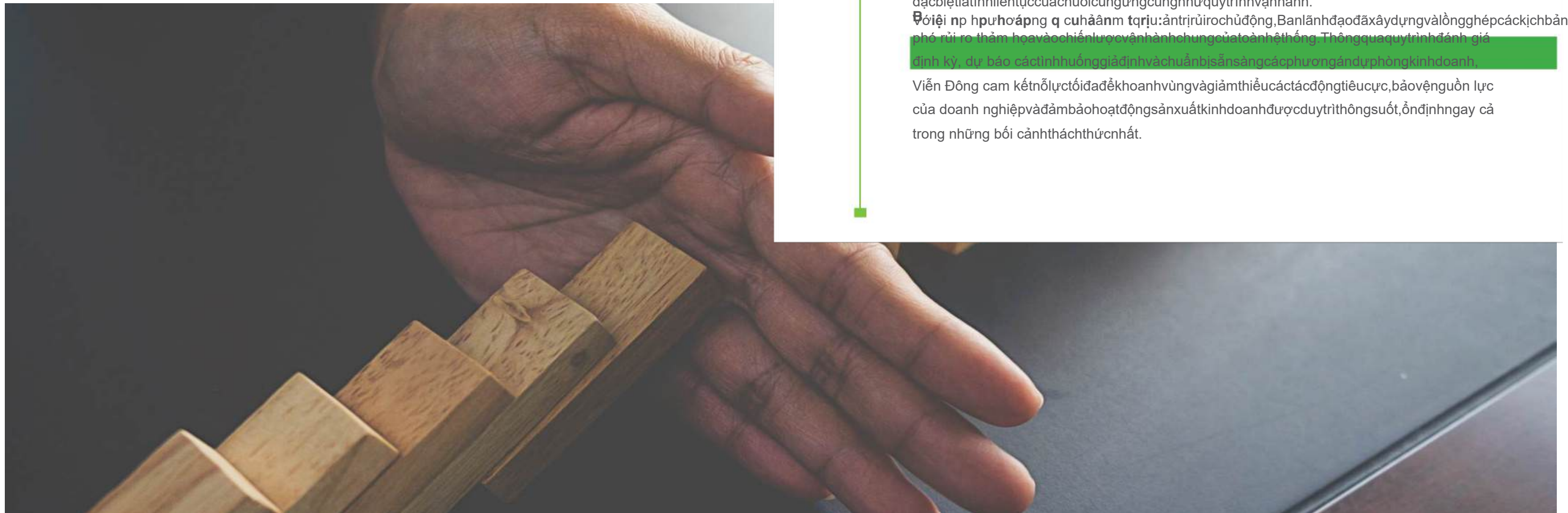
Rủi ro môi trường pháp lý: Ban lãnh đạo xác định trách nhiệm bảo vệ môi trường và nghĩa vụ tuân thủ là một trụ cột then chốt, không thể tách rời trong chiến lược phát triển bền vững dài hạn của doanh nghiệp. Chúng tôi cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy chuẩn khắt khe về môi trường theo quy định pháp luật hiện hành, đồng thời xem đây là nền tảng để xây dựng lòng tin với cộng đồng và đối tác.

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Bên cạnh các nhóm rủi ro đặc thù của ngành, Công ty cũng đặc biệt quan tâm đến các rủi ro bất khả kháng mang tính hệ thống như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hay các biến động địa chính trị. Đây là những yếu tố khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của doanh nghiệp, tuy tần suất xảy ra không cao nhưng lại tiềm ẩn nguy cơ gây ra những tổn thất trọng yếu đối với tài sản hữu hình, sự an toàn của đội ngũ nhân sự và đặc biệt là tinh thần của nhân viên.

Đối với những rủi ro bất khả kháng, Ban lãnh đạo đã xây dựng và lồng ghép các kịch bản ứng phó rủi ro thảm họa vào chiến lược vận hành chung của toàn hệ thống. Thông qua quy trình đánh giá định kỳ, dự báo các tình huống rủi ro và chuẩn bị sẵn sàng các phương án dự phòng kinh doanh.

Viễn Đông cam kết nỗ lực tối đa để khoanh vùng và giảm thiểu các tác động tiêu cực, bảo vệ nguồn lực của doanh nghiệp và đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì thông suốt, ổn định ngay cả trong những bối cảnh thách thức nhất.





02

Tình hình hoạt động trong năm

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

| | |
|----------------------------------------------------|----|
| Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 26 |
| Tổ chức và nhân sự | 28 |
| Báo cáo phát triển bền vững | 36 |
| Tình hình tài chính | 46 |
| Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 48 |

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2025

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | TH 2024 | TH 2025 | KH 2025 | (%) TH2025/ KH2025 | % (+/-) TH 2025/ TH 2024 |
|------------------------------------|-----------|-----------|-----------|-----------------------|-----------------------------|
| Tổng doanh thu và thu nhập khác | 1.226.975 | 1.167.761 | 1.160.000 | 100,67% | -3,25% |
| Lợi nhuận trước thuế | 11.368 | 6.524 | 42.000 | 15,53% | -42,61% |
| Lợi nhuận sau thuế | 9.608 | 1.404 | - | - | -85,39% |
| Tỷ suất LNST/doanh thu thuần(%) | 0,81% | 0,12% | - | - | -84,72% |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/CP) | 170 | 11 | - | - | -93,53% |

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2024 | | Năm 2025 | | % tăng giảm năm 2025 so với năm 2024 |
|------------------------------|------------------|----------------|------------------|----------------|--------------------------------------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Giá vốn hàng bán | 1.115.826 | 93,86% | 1.072.812 | 94,37% | -3,85% |
| Chi phí tài chính | 28.383 | 2,39% | 29.079 | 2,56% | 2,45% |
| Chi phí bán hàng | 30.801 | 2,59% | 19.881 | 1,75% | -35,45% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 40.546 | 3,41% | 34.290 | 3,02% | -15,43% |
| Chi phí khác | 51 | 0,00% | 5.175 | 0,46% | - |
| Tổng chi phí | 1.215.607 | 102,25% | 1.161.237 | 102,15% | -4,47% |

Trong năm 2025, Công ty ghi nhận doanh thu và thu nhập khác đạt khoảng 1.170,81 tỷ đồng, hoàn thành 101% kế hoạch năm. Tuy nhiên, lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 6,52 tỷ đồng, giảm 42,61% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu đến từ bối cảnh thị trường năm 2025 tiếp tục diễn biến khó khăn, ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của các công ty con cũng như các công ty liên doanh, liên kết. Theo đó, phần lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết suy giảm đáng kể, qua đó tạo áp lực lên lợi nhuận hợp nhất của Công ty.



Về chi phí, Công ty tiếp tục triển khai các biện pháp kiểm soát và tái cơ cấu hoạt động nhằm thích ứng với diễn biến thị trường. Tổng chi phí năm 2025 đạt 1.161,24 tỷ đồng, giảm 4,47% so với năm 2024. Mức giảm này phản ánh nỗ lực của Công ty trong việc tối ưu hóa cơ cấu chi phí, đặc biệt là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lần lượt giảm 35,45% và 15,43% so với năm trước. Cụ thể, giá vốn hàng bán năm 2025 đạt 1.072,81 tỷ đồng, giảm 3,85%, tiếp tục chiếm tỷ trọng rất lớn trong cơ cấu chi phí (94,37%). Chi phí tài chính ghi nhận mức tăng nhẹ 2,45%, đạt 29,08 tỷ đồng, làm tỷ trọng tăng từ 2,39% lên 2,56%. Ngoài ra, chi phí khác tăng đáng kể từ mức không đáng kể trong năm 2024 lên 5,18 tỷ đồng trong năm 2025, phản ánh sự phát sinh các khoản chi phí ngoài hoạt động thường xuyên. Nhìn chung, cơ cấu chi phí năm 2025 cho thấy Công ty đã chủ động điều chỉnh hoạt động theo hướng thận trọng, tập trung kiểm soát các khoản chi phí vận hành và nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo nền tảng cho việc cải thiện kết quả kinh doanh trong các năm tiếp theo.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

Tính tại ngày 31/12/2025

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu (Cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|-------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|------------------|
| 1 | Ông Bùi Quang Minh | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 501.604 | 1,23% |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Thu | Phó Tổng Giám đốc | 2.914.773 | 7,14% |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên | Kế toán trưởng | 1.745.667 | 4,27% |



LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



- Ngày sinh: 24/01/1986
- Địa chỉ thường trú: 3 Trần Quý Khoách, P. Tân Định, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

ÔNG BÙI QUANG MINH
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Quá trình công tác

| | |
|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 2008 đến 2013 | Trợ lý HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 2010 đến nay | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư Phát triển CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông |
| Từ 2013 đến 2015 | Phó Giám đốc Điều hành - Giám đốc kinh doanh Công ty TNHH Bao bì MM Vidon |
| Từ 10/2015 đến 10/2024 | Chủ tịch HĐQT CTCP Giấy Toàn Lực |
| Từ 08/2016 đến 04/2022 | Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 04/2022 đến nay | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư Phát triển CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông |
| Số cổ phần nắm giữ | 501.604 cổ phần, chiếm 1,23% VDL |

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan

| Tên | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu |
|-------------------|-------------|---------------------------------------------|
| Ông Bùi Quang Mẫn | Cha | 6.736.924 cổ phần, chiếm 16,49% vốn điều lệ |
| Bà Nguyễn Thị Thu | Mẹ | 2.914.773 cổ phần, chiếm 7,14% vốn điều lệ |



- Ngày sinh: 12/01/1959
- Địa chỉ thường trú: 3 Trần Quý Khoách, P. Tân Định, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế, Cử nhân quản lý kinh tế

BÀ NGUYỄN THỊ THU
Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác

| | |
|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 2004 đến 2006 | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Giấy Viễn Đông |
| Từ 2006 đến 04/2022 | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 2008 đến nay | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Thương mại Toàn Lực |
| Từ 04/2022 đến nay | Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Thương mại Toàn Lực |
| Số cổ phần nắm giữ | 2.914.773 cổ phần, chiếm 7,14% VDL |

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan

| Tên | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu |
|--------------------------|----------------------|---------------------------------------------|
| Bùi Quang Mẫn | Chồng | 6.736.924 cổ phần, chiếm 16,49% vốn điều lệ |
| Bùi Quang Minh | Con | 501.604 cổ phần, chiếm 1,23% vốn điều lệ |
| CTCP Thương mại Toàn Lực | Tổ chức có liên quan | 3.230.053 cổ phần, chiếm 7,91% vốn điều lệ |

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH



- Ngày sinh: 02/07/1977
- Địa chỉ thường trú: 81/1/2 Huỳnh Mẫn Đạt, P. Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành kế toán – kiểm toán, chứng chỉ đào tạo kế toán trưởng

BÀ NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN
Kế toán trưởng

| Quá trình công tác | |
|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 2001 đến 2009 | Nhân viên phòng Tài chính kế toán CTCP Thương mại Toàn Lực |
| Từ 2010 đến 2016 | Kế toán trưởng CTCP Thương mại Toàn Lực |
| Từ 2017 đến 09/2019 | Kế toán trưởng CTCP Giấy Toàn Lực |
| Từ 11/2020 đến nay | Phó Giám đốc tài chính CTCP Giấy Toàn Lực |
| Từ 10/2019 đến nay | Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 10/2024 đến nay | Chủ tịch HĐQT CTCP Giấy Toàn Lực |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Phó giám đốc tài chính CTCP Giấy Toàn Lực Chủ tịch HĐQT CTCP Giấy Toàn Lực |
| Số cổ phần nắm giữ | 1.745.667 cổ phần, chiếm 4,27% VDL |
| Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan | |

| Tên | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu |
|------------------|-------------|-----------------------------------------|
| Nguyễn Minh Hùng | Chồng | 17.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ |

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2025

Không có

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

| STT | Tính chất phân loại | Năm 2024 | | Năm 2025 | |
|------------------|--------------------------------------------|------------------|-------------|------------------|----------------|
| | | Số lượng (người) | Tỷ trọng | Số lượng (người) | Tỷ trọng |
| A | Theo trình độ | 26 | 100% | 17 | 100,00% |
| 1 | Trình độ Đại học và trên Đại học | 18 | 69,23% | 10 | 58,82% |
| 2 | Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 5 | 19,23% | 3 | 17,65% |
| 3 | Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật | 0 | 0,00% | 1 | 5,88% |
| 4 | Lao động phổ thông | 3 | 11,54% | 3 | 17,65% |
| B | Theo giới tính | 26 | 100% | 17 | 100% |
| 1 | Nam | 15 | 57,69% | 10 | 58,82% |
| 2 | Nữ | 11 | 42,31% | 7 | 41,18% |
| C | Theo thời hạn hợp đồng lao động | 26 | 100% | 17 | 100% |
| 1 | Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm | 7 | 26,92% | 10 | 58,82% |
| 2 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 19 | 73,08% | 7 | 41,18% |
| Tổng cộng | | 26 | 100% | 17 | 100% |

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

“
Nguồn nhân lực đóng vai trò hạt nhân trong chiến lược phát triển bền vững của Viễn Đông. Nguồn nhân lực chuyên nghiệp, lành nghề sẽ giúp Công ty duy trì lợi thế và đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Bên cạnh đó, đảm bảo công việc ổn định, chăm lo các chế độ, chính sách và đảm bảo chất lượng cuộc sống của người lao động cũng là cách thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.”

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Công ty không ngừng chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt trong công tác đào tạo và phát triển kỹ năng. Năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai các chính sách đào tạo cá nhân hóa dựa trên nhu cầu từng nhân viên, đồng thời đầu tư vào các khóa đào tạo chuyên môn và nâng cao ngoại ngữ. Những nỗ lực này không chỉ giúp xây dựng đội ngũ mạnh mẽ mà còn tạo cơ hội cho mỗi cá nhân phát huy tối đa tiềm năng với các khóa đào tạo tiêu biểu bao gồm: IELTS Viễn Đông, Quản trị Cuộc đời, Nấu ăn, Văn hóa Doanh nghiệp,...

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Chiến lược tuyển dụng của Công ty tập trung vào thu hút nhân sự trẻ, đặc biệt là các sinh viên mới ra trường, có đam mê phát triển bản thân và nghề nghiệp. Công ty ưu tiên những ứng viên nhiệt huyết, có ý chí cầu tiến và sẵn sàng học hỏi, đồng thời không quá chú trọng vào kinh nghiệm, nhằm tạo điều kiện phát triển cho thế hệ trẻ. Công ty chú trọng phát triển tiềm năng của nhân sự, tạo môi trường làm việc để mỗi cá nhân phát huy tối đa khả năng.

VIỆC LÀM - MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

- Không gian làm việc được thiết kế với tâm huyết, nhằm tạo nên một không gian làm việc lý tưởng, kích thích sự sáng tạo và tối ưu hóa hiệu suất công việc. Các khu vực làm việc được thiết kế linh hoạt, hỗ trợ cả công việc cá nhân và tương tác nhóm, khuyến khích sự giao lưu và chia sẻ kiến thức giữa các nhân viên. Bên cạnh đó, không gian giải trí và thư giãn cũng được chú trọng, với mục tiêu tạo ra một môi trường làm việc cân bằng và hạnh phúc, nơi mỗi nhân viên có thể phát huy hết khả năng của mình.
- Môi trường làm việc mang đậm tính chân thật, tôn trọng lẫn nhau trong nội bộ Công ty. Nhân viên và các ứng viên tại Công ty Viễn Đông Viễn Đông được đánh giá trên nguyên tắc công tâm và không phân biệt đối xử.



VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI, ĐÃI NGỘ

- Chính sách lương, thưởng và phúc lợi của Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Lao động và các tiêu chuẩn do Công đoàn đề ra. Bên cạnh đó, Công ty còn áp dụng các chính sách lương, thưởng linh hoạt theo năng lực, đồng thời duy trì chế độ thưởng xứng đáng cho nhân sự có thâm niên đóng góp. Công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ trực tiếp, tạo điều kiện cho người lao động đóng góp ý kiến vào các chính sách mới của Công ty.
- Năm 2025 là một năm khó khăn đối với nhiều doanh nghiệp, nhưng Công ty đã vượt qua thách thức và đạt được nhiều kết quả tích cực, duy trì mức lương bình quân là 19,6 triệu đồng/tháng, tăng hơn 3,70% so với năm 2024. Bên cạnh đó, Công ty cũng quan tâm đến việc phát triển sức khỏe và tinh thần làm việc của nhân viên thông qua việc tổ chức các hoạt động thể thao đa dạng. Điều này không chỉ giúp nhân viên giữ gìn sức khỏe mà còn tạo sự gắn kết, chia sẻ và phát triển giữa các nhân viên trong một môi trường làm việc năng động và tích cực.

THU NHẬP BÌNH QUÂN QUA CÁC NĂM

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Năm 2025 |
|---------------------------------------------|----------|----------|----------|
| Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng) | 16.4 | 18.9 | 19.6 |

VỀ CHÍNH SÁCH AN TOÀN, BẢO HỘ LAO ĐỘNG

- Chính sách bảo vệ và an toàn cho người lao động của Công ty được xây dựng dựa trên sự quan tâm sâu sắc đến sức khỏe và an toàn của mỗi nhân viên. Công ty tổ chức các khóa đào tạo bài bản về an toàn lao động, nhằm nâng cao nhận thức và kiến thức cần thiết cho mọi cá nhân. Đồng thời, Công ty trang bị đầy đủ trang phục và thiết bị bảo hộ cá nhân, đảm bảo phù hợp và đáp ứng yêu cầu của từng loại công việc cụ thể.
- Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng vào việc tập huấn kỹ năng phòng cháy chữa cháy (PCCC), cũng như tổ chức các buổi huấn luyện thực hành về sơ cấp cứu, bảo đảm rằng mỗi nhân viên không chỉ biết cách bảo vệ mình trong trường hợp khẩn cấp mà còn có thể hỗ trợ đồng nghiệp khi cần thiết. Qua đó, Công ty cam kết tạo dựng một môi trường làm việc an toàn, nơi mỗi người làm việc không chỉ hiệu quả mà còn an tâm và bảo vệ được bản thân cũng như đồng nghiệp của mình.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm 2025, Công ty không thực hiện các khoản đầu tư lớn.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY CON

CTCP GIẤY TOÀN LỰC

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2024 | Thực hiện 2025 | (+/-) %2025/2024 |
|-----------------------------------|----------------|----------------|------------------|
| Tổng tài sản | 841.706 | 795.038 | -6% |
| Doanh thu thuần | 1.179.907 | 1.128.845 | -4% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 5.357 | 3.589 | -33% |
| Lợi nhuận trước thuế | 7.282 | 4.955 | -32% |
| Lợi nhuận sau thuế | 5.522 | 2.835 | -49% |

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY LIÊN KẾT

CTCP CHÈ MINH RỒNG

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2024 | Thực hiện 2025 | (+/-) %2025/2024 |
|-----------------------------------|----------------|----------------|------------------|
| Tổng tài sản | 62.291 | 62.667 | 1% |
| Doanh thu thuần | 4.233 | 3.768 | -11% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 2.690 | 3.143 | 17% |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.751 | 1.936 | 11% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.144 | 1.267 | 11% |

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TẠI CÔNG TY LIÊN KẾT

CTCP SÁCH VÀ DỊCH VỤ VĂN HÓA TÂY ĐÔ

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2024 | Thực hiện 2025 | (+/-) %2025/2024 |
|-----------------------------------|----------------|----------------|------------------|
| Tổng tài sản | 59.440 | 53.793 | -10% |
| Doanh thu thuần | 106.632 | 127.401 | 19% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 1.604 | 3.046 | 90% |
| Lợi nhuận trước thuế | 2.006 | 3.579 | 78% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.584 | 3.018 | 91% |

CTCP CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỆT ĐÔNG

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2024 | Thực hiện 2025 | (+/-) %2025/2024 |
|-----------------------------------|----------------|----------------|------------------|
| Tổng tài sản | 236.667 | 253.390 | 7% |
| Doanh thu thuần | 2.727 | 14.333 | 426% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 29.082 | 27.505 | -5% |
| Lợi nhuận trước thuế | 28.269 | 27.505 | -3% |
| Lợi nhuận sau thuế | 27.581 | 26.846 | -3% |

CTCP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HOÀNG VIỆT

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | Thực hiện 2024 | Thực hiện 2025 | (+/-) %2025/2024 |
|-----------------------------------|----------------|----------------|------------------|
| Tổng tài sản | 247.805 | 303.907 | 23% |
| Doanh thu thuần | 119.833 | 190.323 | 59% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 28.556 | 13.201 | -54% |
| Lợi nhuận trước thuế | 28.462 | 11.542 | -59% |
| Lợi nhuận sau thuế | 25.988 | 9.749 | -62% |

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH TRỰC TIẾP

Trong ngành sản xuất giấy, phát thải khí nhà kính là một yếu tố quan trọng cần được kiểm soát. Để giảm thiểu lượng phát thải khí nhà kính trực tiếp, Viễn Đông đã triển khai các biện pháp sau:

- **Đầu tư vào thiết bị và công nghệ hiện đại:** Công ty đã đầu tư vào các thiết bị và máy móc tiên tiến, có hiệu suất cao và tiêu thụ ít năng lượng, giúp giảm đáng kể lượng khí nhà kính phát thải từ quá trình sản xuất.
- **Kiểm tra và bảo dưỡng máy móc định kỳ:** Công ty thực hiện bảo dưỡng và kiểm tra máy móc định kỳ để phát hiện và sửa chữa kịp thời các sự cố kỹ thuật, đảm bảo máy móc hoạt động hiệu quả và giảm thiểu khí thải do vận hành không tối ưu.

- **Trồng cây xanh bao quanh khu vực sản xuất:** Công ty tích cực xây dựng nhiều cây xanh như một "lá phổi xanh" xung quanh nhà máy giúp hấp thụ CO2 và làm sạch không khí.
- **Cải tiến thiết kế sản phẩm xanh:** Công ty thiết kế sản phẩm giấy tiêu thụ ít nguyên liệu hơn nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, giúp giảm năng lượng tiêu thụ trong sản xuất. Công ty cũng ưu tiên sử dụng nguyên liệu tái chế thay vì nguyên liệu mới, giúp giảm lượng khí thải trong quá trình sản xuất nguyên liệu thô.

Với những giải pháp trên, Viễn Đông đã góp phần giảm thiểu lượng phát thải khí nhà kính, góp phần bảo vệ môi trường.



PHÁT THẢI KHÍ NHÀ KÍNH GIÁN TIẾP

Mặc dù lượng phát thải khí nhà kính từ lĩnh vực giáo dục không lớn, nhưng việc kiểm soát và giảm thiểu tác động môi trường vẫn rất quan trọng. Phát thải chủ yếu đến từ chất thải sinh hoạt tại các khu vực như căn tin, phòng học, sân trường, và từ việc sử dụng thiết bị làm mát tiêu thụ năng lượng như máy điều hòa. Để giảm thiểu lượng phát thải và góp phần bảo vệ môi trường, Viễn Đông đã triển khai các giải pháp sau:

- **Tăng cường quản lý chất thải:** tăng cường lắp đặt đầy đủ các thùng rác phân loại tại các khu vực trong trường học. Các thùng rác được thiết kế rõ ràng để phân loại chất thải, giúp quá trình xử lý và tái chế rác thải trở nên hiệu quả hơn.

Tiết kiệm năng lượng: tích cực thực hiện các biện pháp tiết kiệm năng lượng như tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, đồng thời kiểm tra định kỳ các đồng hồ điện và hóa đơn điện để phát hiện kịp thời các bất thường. Việc này giúp giảm tiêu thụ năng lượng và hạn chế phát thải khí nhà kính từ các thiết bị làm mát. **Nâng cao nhận thức cộng đồng:** tổ chức các chiến dịch tuyên truyền về việc phân loại rác thải và tiết kiệm năng lượng, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh. Ngoài ra, các chương trình giảng dạy tích hợp kiến thức về bảo vệ môi trường vào chương trình học, giúp học sinh không chỉ hiểu mà còn thực hành những thói quen bảo vệ môi trường trong cuộc sống hàng ngày.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Viễn Đông luôn coi trọng việc sử dụng năng lượng hiệu quả. Để đạt được mục tiêu này, Công ty đã triển khai các giải pháp sau:

- **Xây dựng tiêu chuẩn sử dụng năng lượng:** Công ty đã thiết lập tiêu chuẩn sử dụng năng lượng cho từng loại thiết bị, máy móc và khu vực trong văn phòng cũng như cơ sở giáo dục. Những tiêu chuẩn này không chỉ giúp theo dõi hiệu quả sử dụng năng lượng của từng bộ phận mà còn nâng cao nhận thức của nhân viên về trách nhiệm trong việc tiết kiệm năng lượng.
Theo dõi và báo cáo việc sử dụng năng lượng: Các văn phòng và cơ sở giáo dục của Công ty đều áp dụng các tiêu chuẩn sử dụng năng lượng và thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng năng lượng. Những báo cáo này giúp Công ty đánh giá, phân tích mức độ hiệu quả trong việc sử dụng năng lượng, từ đó có những điều chỉnh kịp thời để nâng cao hiệu quả.
Nâng cao nhận thức thông qua truyền thông nội bộ: Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động truyền thông nội bộ nhằm nâng cao ý thức của cán bộ, nhân viên về bảo vệ môi trường và sử dụng năng lượng hiệu quả. Các chiến dịch tuyên truyền, các buổi giáo dục về tiết kiệm năng lượng được tổ chức đều đặn. Công ty cũng khuyến khích nhân viên đóng góp sáng kiến nhằm tiết kiệm năng lượng, với các ý tưởng khả thi được triển khai và khen thưởng.
- **Đầu tư vào thiết bị tiết kiệm năng lượng:** Công ty không ngừng thay thế các thiết bị cũ và đầu tư vào các sản phẩm mới, hiệu quả hơn, như đèn LED, hệ thống quạt trần tiêu chuẩn DC, máy điều hòa không khí và các thiết bị điện tử đạt chứng nhận tiết kiệm năng lượng. Những cải tiến này không chỉ giảm thiểu mức tiêu thụ năng lượng mà còn góp phần giảm chi phí vận hành dài hạn.

Trong năm 2025, Công ty chủ yếu sử dụng điện và gas phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Cụ thể, sản lượng điện tiêu thụ đạt 655.433 kWh, tương đương 2.359.558.800 Kjun, trong khi lượng gas tiêu thụ đạt 5.400 kg, tương ứng 21.600.000 Kjun.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty luôn nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường nước, đặc biệt trong bối cảnh ô nhiễm môi trường nước đang trở thành vấn đề nghiêm trọng. Vì vậy, Công ty đã và đang thực hiện nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến môi trường nước. Cụ thể, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo vệ môi trường, đồng thời hành động đi đôi với phương châm “cùng cộng đồng bảo vệ môi trường sống”.

Công ty cũng chú trọng nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường nước thông qua các hoạt động tuyên truyền cho CBCNV. Đồng thời, Công ty khuyến khích CBCNV sử dụng nước tiết kiệm trong sinh hoạt và sản xuất để giảm thiểu lãng phí tài nguyên quý giá này.

Ngoài ra, Công ty đã đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, bảo đảm nước thải luôn đạt yêu cầu quy chuẩn quốc gia trước khi được thải ra môi trường. Hệ thống xử lý nước thải của Công ty được vận hành thường xuyên và hiệu quả, góp phần tích cực vào việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước, bảo vệ hệ sinh thái và chất lượng nước tại các khu vực xung quanh.

Trong năm 2025, Công ty đã sử dụng tổng cộng 37.236 lít nước, chủ yếu từ nguồn nước thủy cục. Lượng nước này được phân bổ cho hai loại hoạt động chính của Công ty: sản xuất và kinh doanh. Cụ thể, hoạt động sản xuất sử dụng 18.618 lít nước, còn hoạt động kinh doanh sử dụng 18.618 lít.



QUẢN LÝ NGUYÊN VẬT LIỆU

Nguyên vật liệu và năng lượng là hai yếu tố quan trọng trong quá trình sản xuất và kinh doanh của bất kỳ doanh nghiệp nào. Đối với Công ty, nguyên vật liệu và năng lượng không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất mà còn đóng vai trò then chốt trong việc bảo vệ môi trường. Chính vì vậy, Công ty đã triển khai các giải pháp để giảm thiểu tác động tiêu cực từ việc sử dụng nguyên vật liệu, bao gồm:

- Công ty thực hiện việc đánh giá và lựa chọn nguyên vật liệu phù hợp, ưu tiên các loại nguyên liệu giấy có chất lượng tốt, hàm lượng chất thải thấp, từ đó góp phần giảm phát thải và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình sản xuất.
- Bên cạnh đó, Công ty chú trọng nâng cao nhận thức cho nhân viên về tầm quan trọng của việc tiết kiệm nguyên vật liệu và sử dụng chúng một cách hiệu quả. Nhân viên được đào tạo kỹ lưỡng về các phương pháp sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, tránh lãng phí, đồng thời đóng góp vào các sáng kiến bảo vệ môi trường. Những hành động nhỏ như vậy góp phần không chỉ giảm chi phí sản xuất mà còn nâng cao trách nhiệm cộng đồng của Công ty đối với môi trường.
- Ngoài ra, Công ty đang tiếp tục tìm kiếm và áp dụng các công nghệ tiên tiến giúp tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nguyên vật liệu tại các nhà máy, kho bãi, trường học, đồng thời giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến hệ sinh thái xung quanh.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tại Viễn Đông, bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm mà là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển bền vững. Chúng tôi kiểm soát tác động sinh thái một cách toàn diện trên toàn chuỗi giá trị: từ khâu cung ứng, sản xuất đến phân phối sản phẩm. Không dừng lại ở việc tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường, Viễn Đông chủ động tiên phong áp dụng công nghệ xanh và cải tiến quy trình để giảm thiểu tối đa dấu chân carbon. Hệ thống quản trị rủi ro môi trường của chúng tôi được vận hành chặt chẽ với các phương án xử lý chất thải (khí, nước, chất thải rắn) và phòng chống cháy nổ hiện đại. Hơn thế nữa, Viễn Đông tin rằng sự bền vững phải xuất phát từ tư duy con người. Do đó, chúng tôi không ngừng lan tỏa “ý thức xanh” đến đội ngũ nhân viên và đồng hành cùng đối tác để kiến tạo một hệ sinh thái kinh doanh an toàn, văn minh. Công ty hiểu rằng tuân thủ pháp luật là điều kiện tiên quyết, nhưng chưa đủ, do đó Viễn Đông luôn chủ động hợp tác với các đối tác trong việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, đồng thời triển khai các sáng kiến nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, nhân viên về tầm quan trọng của phát triển bền vững và bảo vệ hệ sinh thái chung. Trong năm 2025, Công ty không có trường hợp nào vi phạm pháp luật về môi trường.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong chiến lược phát triển bền vững của Viễn Đông, tăng trưởng kinh tế luôn song hành với trách nhiệm xã hội. Năm 2025, Công ty đã hiện thực hóa cam kết này thông qua việc đóng góp tổng cộng 343 triệu đồng cho các hoạt động an sinh xã hội. Bên cạnh nghĩa vụ đóng góp định kỳ vào các quỹ xã hội, Công ty chủ động khởi xướng và tài trợ nhiều dự án ý nghĩa như chương trình “Đồng hành chăm lo Tết” và “Thiện nguyện xây nhà tình thương”. Những nỗ lực này không chỉ góp phần cải thiện môi trường sống cho các hoàn cảnh khó khăn mà còn khẳng định mong muốn của chúng tôi trong việc kiến tạo những ảnh hưởng tích cực và bền vững cho cộng đồng nơi chúng tôi hiện diện.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tại CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông, chúng ta trong công tác lưu trữ và số hóa các quy trình hành nội kiên định xây dựng hệ thống quản trị nhân sự trên nền chính – nhân sự. Bên cạnh đó, việc truyền thông được tăng Công bằng – Minh bạch – Trung thực. Với Viễn Đông, thực hiện qua các hệ thống Zalo, Miro, Notion, giúp người sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau không chỉ là quy tắc lao động cập nhật nhanh chóng các chính sách của công ứng xử, mà còn là giá trị cốt lõi để kết nối mọi cá nhân, tạo ra, nâng cao hiệu quả giao tiếp và vượt trội hơn so với các nền một tập thể gắn kết bền vững và sức mạnh nội tại từ phương pháp truyền thống như văn bản giấy hay email.

phá Công ty cam kết xây dựng đội ngũ nhân sự một cách hệ thống và chiến lược, coi đây là yếu tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển bền vững của tổ chức. Công ty không ngừng đầu tư vào việc nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ thuật của nhân viên, đồng thời chú trọng phát triển các kỹ năng giao tiếp và kỹ năng xã hội để tạo ra một đội ngũ nhân lực toàn diện. Để hỗ trợ quản lý và tối ưu hóa quy trình công việc, công ty sử dụng phần mềm nhân sự

Ngoài ra, Công ty tổ chức các hoạt động gắn kết cộng đồng như giao lưu hội thao, giải chạy gắn kết, chuyến đi ngoại khóa đến Campuchia và Thái Lan, câu lạc bộ bơi lội, câu lạc bộ nấu ăn... để nâng cao sức khỏe và tăng cường sự kết nối giữa các cán bộ, nhân viên.

Tại Viễn Đông, chúng tôi xác định sức khỏe và sự an toàn Bên cạnh mức lương cứng hấp dẫn, chúng tôi gia tăng của đội ngũ nhân viên là tài sản quý giá nhất. Công ty thiết lập thu nhập cho người lao động thông qua cơ chế thưởng lập và giám sát chặt chẽ các tiêu chuẩn an toàn lao động, năng suất linh hoạt, thưởng sáng kiến đột phá và các gói kiến tạo một môi trường làm việc lành mạnh và nhân văn. phúc lợi tài chính ưu việt. Về phát triển sự nghiệp, Công Bên cạnh việc tuân thủ tuyệt đối các chính sách bảo hiểm ty cam kết xây dựng lộ trình thăng tiến rõ ràng cho từng (BHXH, BHYT, BHTN), Công ty chủ động triển khai các vị trí. Hệ thống đánh giá hiệu suất được chuẩn hóa công chương trình chăm sóc sức khỏe chuyên sâu định kỳ và bằng, đảm bảo mọi nỗ lực đều được ghi nhận và mọi cơ tâm soát bệnh nghề nghiệp. Đặc biệt, chúng tôi duy trì hội thăng chức đều dựa trên năng lực và thành tích thực cơ chế đánh giá và cải thiện môi trường làm việc thường tế. Tại Viễn Đông, nhân viên không chỉ tìm thấy sự đảm xuyên, đảm bảo người lao động luôn được bảo vệ tốt nhất bảo về tài chính mà còn nhìn thấy một tương lai nghề ng- để yên tâm cống hiến. hiệp rộng mở.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

| STT | CHỈ TIÊU | Năm 2024 | Năm 2025 | % tăng/giảm năm 2025 so với năm 2024 |
|-----|-----------------------------------------|-----------|-----------|--------------------------------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | 1.121.750 | 1.122.102 | 0,03% |
| 2 | Doanh thu thuần | 1.188.878 | 1.136.851 | -4,38% |
| 3 | Lợi nhuận gộp | 73.052 | 64.039 | -12,34% |
| 4 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 7.901 | 8.912 | 12,80% |
| 5 | Lợi nhuận khác | 3.468 | -2.388 | N/A |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | 11.368 | 6.524 | -42,61% |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | 9.608 | 1.404 | -85,39% |
| 8 | Cổ tức | 5% | - | - |
| 9 | Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng) | 170 | 11 | -93,53% |

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2024 | Năm 2025 |
|----------------------------------------------------|------|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 1,45 | 1,21 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,81 | 0,73 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 40,45 | 43,41 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 67,94 | 76,70 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 3,78 | 3,97 |
| Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 1,00 | 1,01 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 0,81 | 0,12 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 1,46 | 0,22 |
| Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 0,81 | 0,13 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần | % | 0,66 | 0,78 |



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2025, các chỉ tiêu thanh khoản của Công ty có sự suy giảm nhẹ. Cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,45 lần xuống 1,21 lần và hệ số thanh toán nhanh cũng giảm từ 0,81 lần xuống 0,71 lần do Công ty sử dụng tiền mặt để tham gia hoạt động đầu tư vào các dự án phát triển trong lĩnh vực giáo dục. Qua đó Công ty ưu tiên duy trì dòng tiền cho hoạt động kinh doanh cốt lõi và đầu tư, chấp nhận mức thanh khoản thấp hơn nhưng vẫn nằm trong ngưỡng kiểm soát.



CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2025 ưu tiên sử dụng đòn bẩy tài chính hơn trong bối cảnh mặt bằng lãi suất ngân hàng được duy trì ở mức thấp. Từ đó hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng từ 40,45% lên 43,41%, trong khi hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng mạnh từ 67,94% lên 76,70%. Sự gia tăng này là cần thiết để Công ty mở rộng sử dụng nguồn vốn vay nhằm tài trợ cho hoạt động sản xuất – kinh doanh để tối đa hóa lợi ích từ các gói vay hỗ trợ từ Chính phủ trong bối cảnh kinh tế đang được thúc đẩy mạnh mẽ. Dù mức đòn bẩy cao hơn có thể gây gia tăng áp lực nghĩa vụ tài chính, cấu trúc vốn hiện tại vẫn được Công ty đánh giá là phù hợp với quy mô tài sản và khả năng tạo dòng tiền trong ngắn và trung hạn.



CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Hiệu quả sử dụng tài sản đã có sự cải thiện tích cực trong năm 2025 thông qua việc vòng quay hàng tồn kho tăng từ 3,78 lên 3,97 bên cạnh vòng quay tài sản cũng chứng kiến sự gia tăng nhẹ. Đây là kết quả nỗ lực của Công ty trong việc thực hiện các công tác quản trị vận hành và tối ưu hiệu quả trong việc phân bổ sử dụng tài sản một cách hợp lý từ đó đem lại giá trị lâu dài trong tương lai.



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm 2025 Công ty đối mặt với nhiều khó khăn từ các vấn đề chi phí nguyên vật liệu và cạnh tranh thị trường khiến cho khả năng sinh lời bị suy giảm từ 1,46% còn 0,22% đối với tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân và từ 0,81% xuống còn 0,13% đối với tổng tài sản bình quân. Đáng chú ý, hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần tăng mạnh từ 0,66% lên 0,78%. Đây là thành quả của sự chủ động trong công tác kiểm soát chi phí với việc tinh giảm các khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp một cách triệt để trong bối cảnh thị trường kinh doanh đối mặt với nhiều thách thức.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU



Cổ phần

Cổ phiếu CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

Tổng số cổ phiếu đã phát hành

40.836.069 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

40.836.069 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ

0 cổ phiếu

Loại cổ phần

Phổ thông

Mệnh giá cổ phần

10.000 đồng/cổ phiếu

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu (Cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông | |
|------------------------|------------------|------------------------------|----------------------|------------------|----------------|--------------|
| | | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | - | - | - | - | - |
| 2 | Cổ đông lớn | 12.881.750 | 31,54 | 4 | 1 | 3 |
| - | Trong nước | 12.881.750 | 31,54 | 4 | 1 | 3 |
| - | Nước ngoài | - | - | - | - | - |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | - | - | - | - | - |
| 4 | Cổ đông khác | 27.954.319 | 68,46 | 2.956 | 27 | 2.929 |
| - | Trong nước | 27.558.326 | 67,49 | 2.906 | 21 | 2.885 |
| - | Nước ngoài | 395.993 | 0,97 | 50 | 6 | 44 |
| TỔNG CỘNG | | 40.836.069 | 100,00 | 2.960 | 28 | 2.932 |
| Trong đó: - Trong nước | | 40.440.076 | 99,03 | 2.910 | 22 | 2.888 |
| - Nước ngoài | | 395.993 | 0,97 | 50 | 6 | 44 |

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|---------------------------------------|-------------------|------------------|
| 1 | Bùi Quang Mẫn | 6.009.549 | 14,72 |
| 2 | Bùi Quang Mẫn | 727.375 | 1,78 |
| 3 | Nguyễn Thị Thu | 2.914.773 | 7,14 |
| 4 | CTCP Thương mại Toàn Lực | 3.230.053 | 7,91 |
| | Người đại diện vốn: Bà Nguyễn Thị Thu | | |

TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI TỐI ĐA

Căn cứ công văn số 911/UBCK-PTT ngày 23 tháng 02 năm 2022, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông là: 50%.



03

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám Đốc

| | |
|----------------------------------------------------------|----|
| Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 52 |
| Tình hình tài chính | 54 |
| Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý | 56 |
| Kế hoạch phát triển trong tương lai | 57 |

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025 khép lại với những gam màu trầm trong bức tranh kinh tế toàn cầu. Sự phân mảnh địa chính trị tiếp tục leo thang tại các điểm nóng như Đông Âu, Trung Đông, Châu Á, và đặc biệt giữa Mỹ và Trung Quốc đã khiến cho tình hình thương mại bị đình trệ gây ảnh hưởng lớn đến chuỗi cung ứng của thế giới.

Trong nước, dù nền kinh tế vĩ mô duy trì đà phục hồi tích cực với tăng trưởng GDP ấn tượng đạt 8,02%, cộng đồng doanh nghiệp trong lĩnh vực xuất - nhập khẩu vẫn đối mặt với khó khăn từ áp lực tỷ giá USD/VND và sự cạnh tranh gay gắt từ các đối thủ mới gia nhập thị trường. Chịu tác động trực tiếp từ bối cảnh đó, doanh thu thuần và thu nhập khác của Công ty năm 2025 đạt 1.168 tỷ đồng, hoàn thành 101% kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó nhờ vào việc tinh gọn bộ máy vận hành đã giúp lợi nhuận trước thuế đạt 6,5 tỷ đồng trong năm 2025.

Đối với hoạt động kinh doanh giấy, Công ty vẫn tiếp tục duy trì tìm kiếm thị trường mới, qua đó mở rộng các cơ hội tăng trưởng. Công ty đã nỗ lực tìm kiếm các nhà cung cấp với chính sách giá hợp lý, từ đó giúp tăng cường khả năng tham gia các gói thầu cung cấp giấy cho các công ty in trong nước. Đối với hoạt động đầu tư tài chính, tình hình hoạt động của Công ty con và các Công ty liên doanh liên kết đảm bảo giữ vững tốc độ phát triển ổn định và đem lại hiệu quả, từ đó cải thiện kết quả kinh doanh chung cho toàn công ty.



TỔ CHỨC - NHÂN SỰ

Xuyên suốt hành trình hình thành và phát triển, Viễn Đông luôn kiên định với tôn chỉ: Con người là yếu tố trọng tâm và là tài sản quý giá nhất.

Công ty luôn nắm bắt để thấu hiểu tâm tư nguyện vọng của nhân sự, kịp thời giúp đỡ và hỗ trợ để nhân viên phát huy tối đa năng lực của họ. Đồng thời, Công ty luôn đảm bảo thu nhập và phúc lợi đầy đủ cho toàn thể CBNV.

Ngoài ra, các khóa đào tạo trực tuyến cho cấp quản lý cũng là một trong những hoạt động trọng điểm trong năm qua nhằm nâng cao năng lực quản trị, tiếp tục công tác xây dựng và phát huy đội ngũ đã thực hiện xuyên suốt nhiều năm qua.

Cơ cấu tổ chức nhân sự ngày càng tinh gọn và hiệu quả. Công ty tăng cường công tác tuyển dụng nhân sự mới có năng lực nhằm bổ sung cho các phòng ban để phục vụ tốt nhất cho các hoạt động kinh doanh trong điều kiện mới.



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Công tác thẩm định dự án được chuẩn hóa qua nhiều vòng sàng lọc nghiêm ngặt, giúp xác định chính xác thứ tự ưu tiên và tiềm năng sinh lời thực tế. Song hành với đó, chúng tôi duy trì cơ chế giám sát dòng tiền và tiến độ giải ngân thường xuyên. Việc giữ vững kỷ luật tài chính không chỉ giúp tối ưu hóa hiệu quả vốn mà còn là 'chốt chặn' quan trọng để giảm thiểu rủi ro. Đặc biệt, chiến lược đầu tư của Viễn Đông luôn được rà soát định kỳ và điều chỉnh linh hoạt, đảm bảo Công ty luôn ở thế chủ động thích ứng trước mọi biến động của thị trường.



QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông luôn theo đuổi triết lý phát triển bền vững, gắn liền lợi ích của Công ty với lợi ích của các bên liên quan. Với những hoạt động quản trị và quan hệ nhà đầu tư minh bạch và hiệu quả.

Trong thời gian qua, Công ty đã đẩy mạnh các hoạt động cung cấp thông tin từ xa, qua điện thoại, email, cải tiến trang web hiện đại, thân thiện với người dùng, cung cấp các thông tin cập nhật, chính xác, kịp thời đến cộng đồng nhà đầu tư.

Ngoài ra, thực hiện đúng các chuẩn mực Quản trị Công ty được quy định trong văn bản lập quy của Công ty và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Ban Lãnh đạo luôn chỉ đạo thực hiện nghiêm túc hoạt động công bố thông tin ra thị trường. Đối với các sự kiện có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trên thị trường, Công ty luôn đảm bảo việc truyền tải thông tin chính xác và kịp thời đến các cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

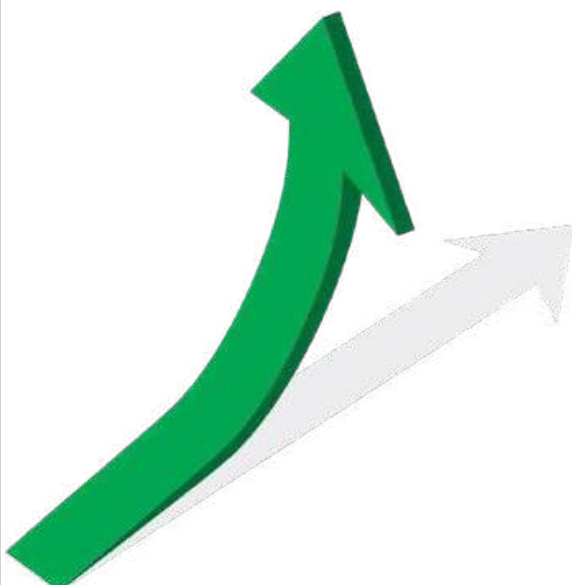
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | % Tăng giảm |
|---------------------|------------------|----------------|------------------|-------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Tài sản ngắn hạn | 640.851 | 57,13% | 582.305 | 51,89% | -9,14% |
| Tài sản dài hạn | 480.899 | 42,87% | 539.797 | 48,11% | 12,25% |
| Tổng tài sản | 1.121.750 | 100,00% | 1.122.102 | 100% | 0,03% |

Tính đến ngày 31/12/2025, tổng tài sản của công ty Viễn Đông đạt 1.122,10 tỷ đồng, tăng 0,03% so với thời điểm cuối năm 2024, cho thấy quy mô tài sản của Công ty được duy trì ổn định trong bối cảnh môi trường kinh doanh còn nhiều biến động. Cơ cấu tài sản ghi nhận sự dịch chuyển rõ nét theo hướng gia tăng tỷ trọng tài sản dài hạn, tài sản ngắn hạn giảm 9,14%, từ 640,85 tỷ đồng xuống còn 582,31 tỷ đồng, làm tỷ trọng trong tổng tài sản giảm xuống còn 51,89%. Nguyên nhân của sự sụt giảm này là do Công ty chủ động sử dụng tiền để đầu tư và tập trung nguồn lực cho các khoản đầu tư góp vốn chủ yếu vào các đơn vị giáo dục.

Tài sản dài hạn của Công ty tăng 12,25%, đạt 539,79 tỷ đồng, chiếm 48,11% tổng tài sản so với 42,87% tại thời điểm cuối năm 2024. Mức tăng này chủ yếu đến từ việc gia tăng các khoản đầu tư dài hạn vào các đơn vị chiến lược mới. Sự dịch chuyển cơ cấu tài sản theo hướng dài hạn theo định hướng từng bước củng cố vai trò một Công ty holding vững mạnh, ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực có khả năng tạo giá trị bền vững trong trung và dài hạn, đồng thời duy trì sự cân đối hợp lý giữa tính thanh khoản và hiệu quả sử dụng vốn.



582 tỷ đồng

Tài sản ngắn hạn



539 tỷ đồng

Tài sản dài hạn



1.122 tỷ đồng

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2024 | | 31/12/2025 | | % Tăng giảm |
|-----------------------|------------------|----------------|------------------|----------------|--------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Nợ phải trả | 453.798 | 40,45% | 487.067 | 43,41% | 6,82% |
| - Nợ ngắn hạn | 442.911 | 97,60% | 482.967 | 89,47% | 9,04% |
| - Nợ dài hạn | 10.886 | 2,40% | 4.100 | 0,76% | -62,34% |
| Vốn chủ sở hữu | 667.952 | 59,55% | 635.035 | 56,59% | -4,93% |
| Tổng nguồn vốn | 1.121.750 | 100,00% | 1.122.102 | 100,00% | 0,03% |

Cơ cấu nguồn vốn ghi nhận sự thay đổi theo hướng gia tăng tỷ trọng nợ phải trả theo chiến lược sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức kiểm soát nhằm phục vụ nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty trong năm. Nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 2025 đạt 539,80 tỷ đồng, tăng 18,95% so với thời điểm 31/12/2024, chiếm tỷ trọng 48,11% trong tổng nguồn vốn. Nợ ngắn hạn đạt 482,97 tỷ đồng, tăng 9,04% so với thời điểm cuối năm 2024, chiếm tỷ trọng 89,47% tổng nợ phải trả. Sự gia tăng này chủ yếu xuất phát từ việc Công ty tăng cường sử dụng các khoản vay trong bối cảnh mặt bằng lãi suất thấp hạn để tài trợ vốn lưu động cho các công ty con và công ty liên kết và đầu tư thêm vào các dự án chiến lược mới.

Nợ dài hạn giảm mạnh 62,34%, xuống còn 4,10 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu nguồn vốn. Diễn biến này cho thấy Công ty đã chủ động cơ cấu lại các khoản vay theo hướng giảm nghĩa vụ tài chính dài hạn, qua đó hạn chế rủi ro lãi suất và áp lực trả nợ trong trung và dài hạn. Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2025 đạt 635,04 tỷ đồng, giảm 4,93% so với năm 2024, chủ yếu do trích lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để chi trả cổ tức. Tuy nhiên, vốn chủ sở hữu vẫn chiếm tỷ trọng lớn (56,59%) trong tổng nguồn vốn, phản ánh nền tảng tài chính tương đối ổn định nhằm tạo dư địa để tiếp tục triển khai các chiến lược đầu tư và mở rộng hoạt động trong các năm tới.



539 tỷ đồng

Nợ phải trả



635 tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu



1.122 tỷ đồng

Tổng nguồn vốn

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

01

Sử dụng hệ thống đánh giá công việc minh bạch, khách quan. Khen thưởng những nhân viên có thành tích tốt, đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp với những vi phạm.

02

Tập trung vào việc tuyển dụng nhân viên có năng lực, phù hợp với văn hóa công ty. Đầu tư vào đào tạo, phát triển kỹ năng và kiến thức cho nhân viên. Kết hợp xây dựng các nhóm liên ngành, khuyến khích giao tiếp và chia sẻ thông tin giữa các bộ phận.

03

Công tác quản trị nhân sự ngày càng chú trọng ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin. Công ty hiện đang áp dụng phần mềm quản lý nhân sự AMIS, nhờ đó, thời gian xử lý công việc thủ công được rút ngắn đáng kể, nhiều quy trình được số hóa, giúp đảm bảo tuân thủ quy định của Công ty và Nhà nước, đồng thời nâng cao tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị nhân sự và hành chính.

04

Tổ chức nhân sự ngày càng tinh gọn, chuyển đổi từ mô hình tập quyền sang phân quyền, tạo điều kiện cho các bộ phận và nhóm làm việc có quyền tự chủ cao hơn. Việc trao quyền đi đôi với trách nhiệm giúp nâng cao tính chủ động và hiệu suất công việc.

05

Tăng cường kết nối nội bộ, xây dựng văn hóa doanh nghiệp bền vững. Tổ chức các hoạt động team building, giao lưu giữa các bộ phận để tạo sự gắn kết giữa các nhân viên. Ngoài ra, tạo dựng văn hóa phản hồi tích cực, đảm bảo mọi ý kiến đóng góp đều được tôn trọng và xem xét kỹ lưỡng.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2026 |
|-----|---------------------------|-------------|-------------------|
| 1 | Tổng doanh thu & thu nhập | Tỷ đồng | 1.000 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 32 |
| 3 | Cổ tức | % | 7 |

CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐÃ ĐỀ RA

1. Phối hợp chặt chẽ với công ty con về nhiều mặt, chủ yếu về quản trị nguồn vốn, nhân sự để đạt hiệu quả trong năm nay và tiếp tục phát triển lâu dài trong lĩnh vực kinh doanh ngành giấy.
2. Hỗ trợ các Công ty liên doanh liên kết trong lĩnh vực kinh doanh của từng công ty, nhằm tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh của mỗi công ty, từ đó cải thiện và nâng cao hiệu suất chung cho toàn hệ thống.
3. Bảo đảm được việc làm ổn định và thu nhập cho người lao động. Áp dụng chế độ lương thưởng hợp lý kèm các khoản phúc lợi gia tăng để thúc đẩy, nhằm khích lệ và phát huy tối đa tiềm năng, sự sáng tạo của mỗi cá nhân và tập thể, qua đó đẩy mạnh năng suất và chất lượng công việc.
4. Liên tục rà soát, giám sát, đánh giá hiệu quả về đầu tư tài chính dài hạn, đầu tư thêm vốn đối với lĩnh vực đang và sẽ phát huy hiệu quả cao cho công ty.
5. Thực thi "Viễn Đông vì cộng đồng", có trách nhiệm với môi trường, xã hội, phát triển văn hóa doanh nghiệp lành mạnh, bền vững, đóng góp vào sự phát triển chung của công ty và xã hội.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có.



04

Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
về hoạt động của Công Ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về
các mặt hoạt động của Công ty 60

Đánh giá của Hội đồng quản trị về
hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty 62

Các kế hoạch, định hướng
của Hội đồng quản trị 63

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025 tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức HĐQT đã rất tập trung và thường xuyên có những chỉ đạo thức, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới ghi nhận mức linh hoạt, kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng, với GDP toàn cầu năm 2025 quản trị Công ty, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật dự báo tăng trưởng khoảng 3%. Tại Việt Nam, năm 2025 hiện hành, điều lệ Công ty. đạt kết quả khả quan với GDP tăng 8,02% so với năm 2024.

Năm 2025 khép lại với muôn vàn khó khăn và thách thức. Nhưng bằng sự đồng lòng của toàn thể CBNV cùng với sự tận dụng tối đa mọi nguồn lực, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh đáng ghi nhận theo BCTC hợp nhất như sau:

- Tổng doanh thu và thu nhập: 1.168 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 6,5 tỷ đồng



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong bối cảnh chung của nền kinh tế bị tác động mạnh bởi các yếu tố tiêu cực. HĐQT đã luôn theo dõi chặt chẽ và thường xuyên có những chỉ đạo linh hoạt, kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị Công ty, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, điều lệ Công ty. Các nội dung chủ yếu về hoạt động Công ty trong năm như sau:

- Quy chế quản trị nội bộ: Thực hiện giám sát, phối hợp hoạt động tốt giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc; Thực hiện hợp định kỳ và mở rộng để có những quyết định kịp thời triển khai theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ; Thực hiện đầy đủ các báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh đúng thời hạn theo quy định.
- Quy chế quản lý tài chính: Thực hiện báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, 6 tháng (soát xét), và cả năm (kiểm toán) cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh đúng quy định.
- Quy chế công bố thông tin: Tuân thủ và duy trì công bố thông tin về tình hình quản trị công ty, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, các vấn đề liên quan khác cho các cơ quan chức năng, các cổ đông, nhà đầu tư và trên website của Công ty.

HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Về trách nhiệm môi trường và xã hội, Viễn Đông luôn chú trọng và tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, đồng thời không trọng đến mục tiêu phát triển bền vững và luôn đảm bảo ngừng cải tiến công nghệ sản xuất để tối ưu hóa hiệu suất tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường và giảm phát thải.

trường, không để xảy ra các vi phạm hay xử phạt hành chính liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai các hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh.

Trong quá trình vận hành các nhà máy và triển khai dự án, Viễn Đông áp dụng hệ thống quản lý môi trường chặt chẽ, giám sát nghiêm ngặt các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường như chất lượng không khí, nguồn nước, nước thải và chất thải rắn tại các nhà máy sản xuất và các khu vực của trường học. Công ty thực hiện các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu tác động môi trường theo các quy

Ngoài ra, Công ty tích cực tham gia các chương trình bảo vệ môi trường và cộng đồng, bao gồm các sáng kiến giảm thiểu khí thải, thúc đẩy sử dụng năng lượng tái tạo, và thực hiện chính sách tái chế chất thải. Công ty cũng chú trọng đào tạo nhân viên về ý thức bảo vệ môi trường, nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và khuyến khích tinh thần đổi mới sáng tạo trong việc phát triển các giải pháp thân thiện với môi trường, đồng thời lồng ghép các nội dung về môi trường và trách nhiệm cộng đồng vào các chương trình đào tạo tại các trường học.

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ VỚI NHÀ ĐẦU TƯ VÀ NGHĨA VỤ VỚI CỔ ĐÔNG

Công ty luôn duy trì một mối quan hệ chặt chẽ với các nhà đầu tư, khuyến khích sự tham gia và đóng góp ý kiến từ cổ đông để phát triển bền vững. Việc cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh giúp cổ đông và nhà đầu tư đưa ra quyết định đúng đắn, từ đó gia tăng giá trị cổ phần và bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan.



ĐÁNH GIÁ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Năm 2025 nền kinh tế toàn cầu phải đối mặt với nhiều vấn đề về bất ổn địa chính trị và chiến tranh thương mại gây ảnh hưởng tiêu cực lên chuỗi cung ứng toàn cầu. Trước bối cảnh đó Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận hỗ trợ đã có nhiều đóng góp quan trọng trong việc đưa Công ty vượt qua những thách thức của nền kinh tế và đạt được kết quả kinh doanh khả quan. HĐQT ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của tập thể ban lãnh đạo và các CBNV Công ty.



Trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám đốc luôn đề cao nguyên tắc thượng tôn pháp luật, tuân thủ tuyệt đối Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị nội bộ. Cơ chế phân cấp, phân quyền được thực hiện minh bạch, khoa học nhằm tối ưu hóa hiệu quả quản lý và trách nhiệm giải trình.

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh cạnh tranh ngày càng gay gắt, Hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc được ghi nhận bởi sự linh hoạt, sáng tạo và tuân thủ chặt chẽ các nguyên tắc quản trị. Các giải pháp đề ra không chỉ đáp ứng kịp thời bối cảnh kinh doanh mà còn được triển khai nghiêm túc theo đúng tinh thần Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Song song đó, thông qua việc theo dõi sát sao “nhịp đập” thị trường, Ban điều hành đã liên tục tinh chỉnh chiến lược, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và đảm bảo các mục tiêu tăng trưởng bền vững.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc đã có hành động thiết thực trong việc cải thiện chính sách nhân sự, nâng cao chế độ phúc lợi và tạo lập môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch, góp phần thu hút, phát triển và giữ chân nhân tài. Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hiệu quả các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn và quản lý, giúp nâng cao năng lực làm việc của đội ngũ nhân sự. Công tác quy hoạch và phát triển nhân sự cũng được chú trọng, đảm bảo nhân viên có lộ trình nghề nghiệp rõ ràng, tạo điều kiện để phát huy tối đa tiềm năng và đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2026 |
|-----|---------------------------|-------------|-------------------|
| 1 | Tổng doanh thu & thu nhập | Tỷ đồng | 1.000 |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 32 |
| 3 | Cổ tức | % | 7 |

VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- Tiếp tục tăng cường công tác quản trị công ty phù hợp luật định hiện hành đối với CTCP, bao gồm công ty mẹ, công ty con, và các công ty liên kết.
- Duy trì các phiên họp thường kỳ hàng quý để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc để triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ đạt hiệu quả.
- Thực hiện công bố thông tin minh bạch, công khai, kịp thời về tình hình quản trị công ty và tình hình tài chính cho cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan chức năng, bảo đảm quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
- Thường xuyên rà soát đánh giá hiệu quả đối với từng khoản đầu tư tài chính hiện hữu và chủ động tìm kiếm các cơ hội tiềm năng. Tái cấu trúc lại hoạt động đầu tư nếu xét thấy cần thiết để đảm bảo hiệu quả năm sau luôn cao hơn năm trước.
- Tiếp tục cải tiến hoàn thiện bộ máy HĐQT đáp ứng theo yêu cầu của quy định pháp luật về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng cũng như tiến tới chuẩn mực quốc tế.



VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

- Tập trung triển khai kế hoạch đầu tư phát triển với các dự án trọng điểm về lĩnh vực giáo dục trong năm 2026. Phối hợp chặt chẽ với Công ty con để có giải pháp hỗ trợ kịp thời cho hoạt động kinh doanh XNK giấy các loại.
- Năm 2026 đánh dấu bước nhảy vọt trong hành trình chuyển đổi số của Công ty, không chỉ cải tiến hệ thống vận hành mà còn đưa hệ thống công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) vào quản lý, giúp Công ty tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của Công ty. Chuyển đổi số không còn là lựa chọn mà đã trở thành lợi thế cạnh tranh cốt lõi, giúp Công ty sẵn sàng thích ứng với sự thay đổi của thị trường.
- Tập trung phát triển thị trường, tìm kiếm các đối tác mới để hỗ trợ các Công ty liên doanh liên kết trong lĩnh vực kinh doanh của từng công ty, qua đó sẽ làm gia tăng hiệu quả hoạt động cho hệ thống.
- Phát huy công tác xây dựng nguồn nhân lực, phát triển công nhân sự phù hợp về năng lực chuyên môn và có phẩm chất đạo đức tốt để có thể tổ chức thực hiện và hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch ĐHĐCĐ đã giao, đồng thời để chuẩn bị nhân sự cho chiến lược phát triển bền vững lâu dài.
- Hỗ trợ cho hoạt động của các Công ty liên kết, liên doanh để ổn định và phát triển bền vững.



05

Quản trị Công Ty

| | |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Hội đồng quản trị | 68 |
| Ban Kiểm soát | 72 |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát | 76 |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2025

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu (Cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|------------------------|--------------------------------------|------------------------------------|------------------|
| 1 | Ông Trần Hoàng Nghĩa | Chủ tịch HĐQT | 993.138 | 2,43 |
| 2 | Ông Bùi Quang Minh | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 501.604 | 1,23 |
| 3 | Ông Bùi Quang Khoa | Thành viên HĐQT | 1.120.380 | 2,74 |
| 4 | Ông Phạm Tất Phú | Thành viên HĐQT độc lập | 0 | 0 |
| 5 | Bà Trần Thị Phương Mai | Thành viên HĐQT độc lập | 0 | 0 |

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT TRONG NĂM:

| STT | Thành viên | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT | |
|-----|----------------------|---------------|-------------------------------------------|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Trần Hoàng Nghĩa | Chủ tịch HĐQT | 02/10/2025 | |
| 2 | Ông Bùi Quang Khoa | Chủ tịch HĐQT | | 02/10/2025 |



GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- Ngày sinh: 15/05/1967
- Địa chỉ thường trú: 76/78 Nguyễn Sơn, Phường Phú Thọ Hòa, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Đại học Ngân Hàng

ÔNG TRẦN HOÀNG NGHĨA Chủ tịch HĐQT

Quá trình công tác

| | |
|------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Từ 08/2008 đến 08/2009 | Phó Giám đốc Điều hành CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 09/2009 đến 12/2013 | Giám đốc Điều hành CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 01/2014 đến 08/2016 | Tổng Giám đốc Điều hành CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 04/2011 đến 10/2025 | Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| 10/2025 đến nay | Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 993.138 cổ phần, chiếm 2,43% VDL

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan

| Tên | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu |
|--------------------|-------------|------------------------------------------|
| Mai Thị Trúc Giang | Vợ | 191.926 cổ phần, chiếm 0,47% vốn điều lệ |

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- Ngày sinh: 05/12/1977
- Địa chỉ thường trú: 2.45 Lô D, Chung cư Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

ÔNG BÙI QUANG KHOA
Thành viên HĐQT

Quá trình công tác

| | |
|------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| Từ 05/2006 đến 02/2007 | Trợ lý HĐQT CTCP Giấy Viễn Đông |
| Từ 02/2007 đến 10/2008 | Giám đốc Điều hành CTCP Giấy Viễn Đông |
| Từ 10/2008 đến 10/2015 | Phó Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 10/2015 đến 04/2022 | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 07/2020 đến 04/2022 | Chủ tịch HĐQT CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông |
| Từ 04/2022 đến 10/2025 | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông |
| Từ 10/2025 đến nay | Thành viên HĐQT CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông |
| Từ 04/2022 đến 10/2025 | Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Từ 10/2025 đến nay | Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Thành viên HĐQT CTCP Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông |
| Số cổ phần nắm giữ | 1.120.380 cổ phần, chiếm 2,74% VDL |

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan

| Tên | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu |
|----------------|-------------|----------------------------------------|
| Thái Ngọc Trân | Vợ | 5.238 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ |



- Ngày sinh: 06/03/1991
- Địa chỉ thường trú: TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Trình độ chuyên môn: Đại học RMIT, ngành Kế toán Tài chính

ÔNG PHẠM TẤT PHÚ
Thành viên HĐQT độc lập

Quá trình công tác

| | |
|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Từ 2012 đến 2013 | Kế toán tài chính CTCP Nụ cười Khách hàng |
| Từ 2013 đến 2014 | Kiểm toán nội bộ Công ty Kiểm toán Grant Thornton VN |
| Từ 2014 đến 2016 | Kế toán tài chính Công ty TNHH SCS Việt Nam |
| Từ 2016 đến nay | Kế toán tài chính Công ty TNHH Medtronic |
| Từ 04/2022 đến nay | Thành viên HĐQT độc lập CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Kế toán tài chính Công ty TNHH Medtronic |
| Số cổ phần nắm giữ | 0 cổ phần, chiếm 0% VDL |

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- Ngày sinh: 24/04/1977
- Địa chỉ thường trú: Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
- Trình độ chuyên môn: Cao học kinh tế phát triển

BÀ TRẦN THỊ PHƯƠNG MAI
Thành viên HĐQT độc lập

Quá trình công tác

| | |
|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Từ 2007 đến 09/2025 | Giám đốc dự án phát triển Hongkong Land |
| Từ 09/2025 đến nay | Giám đốc điều phối dự án Công ty sơn Kim Land |
| Từ 04/2022 đến nay | Thành viên HĐQT độc lập CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Giám đốc điều phối dự án Công ty sơn Kim Land |
| Số cổ phần nắm giữ | 0 cổ phần, chiếm 0% VĐL |

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có

Sơ yếu lý lịch Ông Bùi Quang Minh vui lòng xem tại sơ yếu lý lịch Ban điều hành.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Quan hệ cổ đông & truyền thông, Ban trợ lý và Ban kiểm toán nội bộ thực hiện công bố thông tin định kỳ: Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình Quản trị Công ty, Báo cáo tài chính quý/bán niên/cả năm, thông báo về ngày đăng ký cuối cùng họp ĐHCĐ thường niên 2025, và chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, đăng tải trên website Công ty tài liệu của Đại hội, Nghị quyết và Biên bản họp ĐHCĐ, công bố thông tin 24 giờ và bất thường khác.

Các tiểu ban đã thể hiện tốt vai trò hỗ trợ HĐQT trong việc thực thi, giám sát và kiểm soát hiệu quả hoạt động của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Với vai trò độc lập trong hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT độc lập luôn thể hiện tốt vai trò của mình, tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, chủ động đóng góp ý kiến thảo luận, mang tính chiến lược và đầy trách nhiệm cho sự phát triển chung của Công ty. Bên cạnh đó, thành viên HĐQT độc lập luôn đánh giá đầy đủ và kỹ lưỡng về các nội dung được xin ý kiến. Từ đó, đưa ra biểu quyết dựa trên cơ sở khách quan nhất nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông.

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Tham gia các lớp đào tạo trực tuyến về quản trị Công ty do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh tổ chức.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 9 cuộc họp với tỷ lệ dự họp là 100%, ban hành các Nghị quyết và Quyết định, chỉ đạo chính xác, kịp thời, bám sát định hướng và chiến lược phát triển của Công ty, nội dung cụ thể như sau:

- Các cuộc họp HĐQT:

| STT | Thành viên | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự | Lý do không tham dự họp |
|-----|------------------------|--------------------------|---------------|-------------------------|
| 1 | Ông Bùi Quang Khoa | 9 | 100% | |
| 2 | Ông Bùi Quang Minh | 9 | 100% | |
| 3 | Ông Trần Hoàng Nghĩa | 9 | 100% | |
| 4 | Ông Phạm Tất Phú | 9 | 100% | |
| 5 | Bà Trần Thị Phương Mai | 9 | 100% | |

- Nội dung và kết quả của các cuộc họp

HĐQT đã tổ chức 9 phiên họp, nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1 | 01.25 NQ/VID-HĐQT | 03/01/2025 | v/v Thông qua giao dịch với các bên liên quan trong năm 2025 | 100% |
| 2 | 02.25 NQ/VID-HĐQT | 04/03/2025 | v/v Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 | 100% |
| 3 | 03.25 NQ/VID-HĐQT | 20/06/2025 | v/v Lựa chọn công ty kiểm toán BCTC năm 2025 | 100% |
| 4 | 04.25 NQ/VID-HĐQT | 27/06/2025 | v/v Tăng vốn đầu tư tài chính trong năm 2025 | 100% |
| 5 | 05.25 NQ/VID-HĐQT | 09/07/2025 | v/v Tăng vốn đầu tư tài chính trong năm 2025 | 100% |
| 6 | 06.25 QĐ/VID-HĐQT | 18/07/2025 | v/v Triển khai chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm tài chính 2024 | 100% |
| 7 | 07.25 NQ/VID-HĐQT | 03/10/2025 | v/v Chấp thuận đơn từ nhiệm CT HĐQT và TV HĐQT của ông Bùi Quang Khoa. Thống nhất bầu CT HĐQT mới nhiệm kỳ (2021- 2025) | 100% |
| 8 | 08.25 NQ/VID-HĐQT | 02/12/2025 | v/v Thoái vốn đầu tư tài chính tại Công ty Ấn Tượng Việt | 100% |
| 9 | 09.25 NQ/VID-HĐQT | 29/12/2025 | v/v Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 | 100% |

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2025

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu (Cổ phiếu) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|------------------------|--------------------------|------------------------------------|------------------|
| 1 | Bà Lê Thị Minh Giang | Trưởng Ban Kiểm soát | 229.387 | 0,56 |
| 2 | Bà Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên Ban Kiểm soát | 0 | 0 |
| 3 | Bà Trần Thị Tình | Thành viên Ban Kiểm soát | 0 | 0 |

Danh sách thay đổi thành viên BKS trong năm: Không có

GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ BAN KIỂM SOÁT



- Ngày sinh: 26/01/1969
- Địa chỉ thường trú: 115 Nguyễn Cửu Vân, Phường Gia Định, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, ngành Kế toán

BÀ LÊ THỊ MINH GIANG Trưởng Ban Kiểm soát

| Quá trình công tác | |
|------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|
| Từ 1991 đến 1993 | Nhân viên kế toán Xí nghiệp văn phòng phẩm 3, Tocontap SG |
| Từ 1994 đến 2011 | Nhân viên kế toán - Kế toán trưởng CTCP Thương mại Toàn lực |
| Từ 2011 đến nay | Kế toán trưởng CTCP Ấn tượng Việt |
| Từ 2019 đến nay | Trưởng BKS CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Kế toán trưởng CTCP Ấn tượng Việt |
| Số cổ phần nắm giữ | 229.387 cổ phần, chiếm 0,56% VDL |

Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan

| Tên | Mối Quan hệ | Số lượng, tỷ lệ sở hữu |
|-------------------|-------------|------------------------------------------|
| Lê Thị Minh Thủy | Em | 10.260 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ |
| Ngô Thị Ngọc Diệp | Em dâu | 701.242 cổ phần, chiếm 1,72% vốn điều lệ |

GIỚI THIỆU THÔNG TIN VỀ BAN KIỂM SOÁT



- Ngày sinh: 05/01/1979
- Địa chỉ thường trú: 38/4F Ấp 35, Xã Xuân Thới Sơn, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Kế Toán Doanh Nghiệp

BÀ TRẦN THỊ THANH THỦY Thành viên Ban Kiểm soát

| Quá trình công tác | |
|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Từ 2010 đến 2018 | Nhân viên Kế Toán CTCP Giấy Toàn Lực |
| Từ 2018 đến 2020 | Trưởng Phòng Kho Vận CTCP Giấy Toàn Lực |
| Từ 2020 đến nay | Phó giám đốc phụ trách Kho vận CTCP Giấy Toàn Lực |
| Từ 2021 đến nay | Thành viên BKS CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Phó giám đốc phụ trách Kho vận CTCP Giấy Toàn Lực |
| Số cổ phần nắm giữ | 0 cổ phần, chiếm 0% VDL |
| Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có | |



- Ngày sinh: 06/09/1981
- Địa chỉ thường trú: 282 Đường Trần Thị Năm, KP49, P Trung Mỹ Tây, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Đại học

BÀ TRẦN THỊ TÌNH Thành viên Ban Kiểm soát

| Quá trình công tác | |
|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| Từ 2009 đến 2010 | Nhân viên Kế toán Công ty TNHH Thương mại Điện tử Hồng Nhân |
| Từ 2011 đến 2012 | Nhân viên Kế toán CTCP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt |
| Từ 2012 đến 2014 | Kế toán trưởng Trường Phổ thông Việt Mỹ |
| Từ 2014 đến nay | Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt |
| Từ 04/2022 đến nay | Thành viên BKS CTCP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông |
| Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác | Kế toán trưởng CTCP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt |
| Số cổ phần nắm giữ | 0 cổ phần, chiếm 0% VDL |
| Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: Không có | |

BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Giám sát việc triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và các Nghị quyết của HĐQT trong năm 2025.
- Thẩm tra đánh giá hoạt động tài chính - kế toán, và giám sát tính trung thực của các báo cáo tài chính định kỳ. Đảm bảo hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Phối hợp với các bên liên quan thực hiện kiểm tra tính pháp lý, trung thực với mức độ cần trọng trong quản lý và trong công tác kế toán và thống kê.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Công tác phối hợp các hoạt động giữa BKS và HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh, đảm bảo nguyên tắc tuân thủ vì lợi ích chung của Công ty cũng như phù hợp với Điều lệ Công ty và các nội dung Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- BKS cũng ghi nhận việc thực hiện công tác quản trị của HĐQT luôn luôn theo sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành và đưa ra các quyết định kịp thời, hiệu quả trong việc thực hiện các nội dung kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Ban Tổng Giám đốc và Các cấp quản lý đã làm tốt công việc của mình, với tinh thần trách nhiệm, quyết tâm cao đã nỗ lực hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh trong năm và thực hiện nghiêm túc các nội dung theo đúng các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và của ĐHĐCĐ giao phó.
- Việc công bố thông tin đến Cổ đông được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng theo quy định.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- BKS, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc và Các cán bộ liên quan khác thường xuyên trao đổi thông tin, phối hợp hoạt động trên tinh thần tôn trọng, độc lập khách quan và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.
- Phối hợp với Ban Tổng giám đốc để lập Báo cáo thẩm định kết quả hoạt động kinh doanh tài chính năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và phương hướng hoạt động năm 2025 của BKS (trình Đại hội đồng cổ đông); xem xét các BCTC định kỳ hàng quý, bán niên và cả năm 2024; đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2025 của công ty mẹ và hợp nhất.

Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số buổi họp BKS tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|---------------------|--------------------------|-------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Lê Thị Minh Giang | Trưởng Ban Kiểm soát | 2 | 100% | |
| 2 | Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên Ban Kiểm soát | 2 | 100% | |
| 3 | Trần Thị Tinh | Thành viên Ban Kiểm soát | 2 | 100% | |

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

BKS đã tổ chức 02 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

| STT | Số văn bản | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Biên bản họp BKS | 01/04/2025 | v/v Xem xét thông qua dự thảo Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 |
| 2 | Biên bản họp BKS | 16/06/2025 | v/v Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC 2025 |



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

THÙ LAO VÀ THƯỞNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐVT: Đồng

| STT | Họ và tên | Chức danh | Thù lao và thưởng | Ghi chú |
|------------------|------------------------|-------------------|--------------------|---------|
| 1 | Ông Bùi Quang Khoa | Chủ tịch HĐQT | 285.000.000 | |
| 2 | Ông Bùi Quang Minh | Phó Chủ tịch HĐQT | 120.000.000 | |
| 3 | Ông Trần Hoàng Nghĩa | Thành viên HĐQT | 135.000.000 | |
| 4 | Ông Phạm Tất Phú | Thành viên HĐQT | 60.000.000 | |
| 5 | Bà Trần Thị Phương Mai | Thành viên HĐQT | 60.000.000 | |
| TỔNG CỘNG | | | 660.000.000 | |

THÙ LAO VÀ THƯỞNG BKS

| STT | Họ và tên | Chức danh | Thù lao và thưởng | Ghi chú |
|------------------|------------------------|--------------------------|--------------------|---------|
| 1 | Bà Lê Thị Minh Giang | Trưởng Ban Kiểm soát | 60.000.000 | |
| 2 | Bà Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên Ban Kiểm soát | 36.000.000 | |
| 3 | Bà Trần Thị Tinh | Thành viên Ban Kiểm soát | 36.000.000 | |
| TỔNG CỘNG | | | 132.000.000 | |

LƯƠNG VÀ THƯỞNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| STT | Họ và tên | Chức danh | Lương và thưởng năm 2025 | Ghi chú |
|------------------|----------------------|-------------------|--------------------------|---------|
| 1 | Bùi Quang Minh | Tổng Giám đốc | 548.084.153 | |
| 2 | Nguyễn Thị Thu | Phó Tổng Giám đốc | 344.827.510 | |
| 3 | Nguyễn Thị Thùy Tiên | Kế toán trưởng | 119.587.692 | |
| TỔNG CỘNG | | | 1.012.499.355 | |

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Về quản trị Công ty thực hiện theo các Quy định của pháp luật, luôn công khai, minh bạch, có hiệu quả; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích chung của công ty nói chung và của các cổ đông nói riêng, tạo mọi điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả.

- Viễn Đông đã tiếp tục rà soát và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị, hướng tới các mục tiêu chính là: hoàn thiện toàn bộ hệ thống quản trị hướng tới các thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường; tối ưu hóa các công cụ quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động. Theo đó, Công ty có thể tận dụng được tối đa các nguồn lực trong công ty.
- Để nâng cao hiệu quả quản trị Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cũng thực hiện các công tác như: Tham gia các Hội thảo tập huấn trực tuyến/trực tiếp về quản trị công ty cho các công ty đại chúng do UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán tổ chức nhằm tiếp cận những hướng quản trị mới, hiệu quả hơn. Nhờ đó mà Ban Lãnh đạo Công ty có thể cập nhật đầy đủ, chính xác các văn bản hướng dẫn Luật mới của UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán. Tuân thủ luật pháp, Điều lệ tổ chức và các Quy chế hoạt động của Công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều phù hợp thẩm quyền và tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã thông qua. Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty thực hiện đúng Nghị quyết và Quyết định của HĐQT, chấp hành theo đúng pháp luật hiện hành.
- Bên cạnh đó, nhiệm vụ công bố thông tin của Công ty cho cổ đông, nhà đầu tư được công bố đúng quy định thông qua website Công ty, hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, nhằm giúp cổ đông có điều kiện theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt và hiệu quả hoạt động của HĐQT. Từ đó nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn tiềm năng của thị trường, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn, tạo dựng niềm tin của nhà đầu tư đối với VID.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

| Tên tổ chức | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH |
|--------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| I. Bán hàng hóa và dịch vụ | | |
| CTCP Giấy Toàn Lược | Công ty con | 0305623305 |
| CTCP Đầu Tư Phát Triển Giáo Dục Hoàng Việt | Công ty liên kết | 0306213397 |
| CTCP Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ | Người liên quan với HĐQT | 0305072778 |
| II. Mua hàng hóa và dịch vụ | | |
| CTCP Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ | Người liên quan với HĐQT | 0305072778 |
| III. Cổ tức được chia | | |
| CTCP Giấy Toàn Lược | Công ty con | 0305623305 |
| CTCP Đầu tư Phát triển Giáo Dục Hoàng Việt | Công ty liên kết | 0306213397 |
| CTCP Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ | Người liên quan đến HĐQT | 0305072778 |

| Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Lô A2-8 Đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, thành phố Hồ Chí Minh | Năm 2025 | | Hợp đồng hợp tác kinh doanh số : 02.17/HĐHTKD-VID-TMTL tổng giá trị 360.000.000 đồng |
| 252 Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh | Năm 2025 | | Hợp đồng cung cấp dịch vụ tổng giá trị 31.434.130 đồng Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2025/HĐCNCP ngày 03/12/2025 tổng giá trị 16.000.000.000 đồng |
| 252 Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh | | | Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: 01/HĐHT-VD-VA và 001-2025/HDVID/CSVCS tổng giá trị 8.141.051.572 đồng |
| 252 Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh | Năm 2025 | | Hợp đồng cung cấp dịch vụ tổng giá trị 790.395.482 đồng |
| Lô A2-8 Đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, thành phố Hồ Chí Minh | | Nghị quyết 02.25NQ/TLĐHĐCĐ ngày 16/12/2025 | Cổ tức được chia năm 2024 tỷ lệ 12% giá trị 14.109.025.200 đồng |
| 252 Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh | Năm 2025 | Biên bản họp ĐHCĐ ngày 20/05/2025 | Tạm ứng cổ tức năm 2025 tỷ lệ 20% giá trị 5.171.400.000 đồng |
| 252 Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh | Năm 2025 | Biên bản họp ĐHCĐ ngày 06/01/2025 Biên bản họp ĐHCĐ ngày 05/11/2025 | Cổ tức được chia năm 2024 tỷ lệ 30% giá trị 1.812.132.000 đồng. Tạm ứng cổ tức năm 2025 tỷ lệ 14% giá trị 1.268.492.400 đồng |

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

| Tên tổ chức | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH |
|--------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| III. Cổ tức được chia | | |
| CTCP Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | Công ty liên kết | 0300716891 |
| CTCP Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | Công ty liên kết | 1800531192 |
| IV. Cho vay ngắn hạn | | |
| CTCP Giấy Toàn Lực | Công ty con | 0305623305 |
| CTCP Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ | Người liên quan đến HĐQT | 0305072778 |
| V. Đầu tư góp vốn | | |
| CTCP Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ | Người liên quan đến HĐQT | 0305072778 |
| CTCP Đầu Tư Phát Triển Giáo Dục Hoàng Việt | Công ty liên kết | 0306213397 |
| VI. Thoái vốn đầu tư | | |
| CTCP Ấn Tượng Việt | Công ty liên kết | 3602215897 |

| Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 102A Phó Cơ Điều, Phường Minh Phụng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam | Năm 2025 | Nghị quyết 06/NQ HĐQT ngày 26/08/2025 | Cổ tức được chia năm 2024 tỷ lệ 15% giá trị 8.639.554.500 đồng. |
| 11B Hòa Bình, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | Năm 2025 | Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 05/06/2025 | Cổ tức được chia năm 2024 tỷ lệ 5% giá trị 742.070.000 đồng |
| Lô A2-8 Đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, thành phố Hồ Chí Minh | Năm 2025 | | Hợp đồng số 01/HĐVV/VĐ-GTL ngày 01/02/2017 Thu nợ vay: 63.905.000.000 đồng, Cho vay 9.000.000.000 đồng. Tiền lãi hợp tác KD 2.632.067.124 đồng |
| 252 Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh | Năm 2025 | | Hợp đồng số 01/HĐVV/VĐ-VM ngày 08/12/2025, số 02/HĐVV/VDVM ngày 15/12/2025, số 03/HĐVV/VĐ-VM ngày 26/12/2025 Cho vay 35.000.000,000 đồng, Tiền lãi hợp tác KD 112.958.904 đồng |
| 252 Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh | Năm 2025 | Nghị quyết số 04.25 NQ/VIDHĐQT ngày 27/06/2025 | Đầu tư góp vốn giá trị 3.020.220.000 đồng |
| 252 Lạc Long Quân, Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh | Năm 2025 | Nghị quyết số 05.25 NQ/VIDHĐQT ngày 09/07/2025 | Đầu tư góp vốn giá trị 12.928.500.000 đồng |
| Lầu 2, số 84, KP 4, đường 30/4, Phường Trấn Biên, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam | Năm 2025 | Nghị quyết số 08.25 NQ/VIDHĐQT ngày 02/12/2025 | Thoái vốn Đầu tư giá trị 16.000.000.000 đồng |



06

Báo cáo tài chính

| | |
|----------------------------------|----|
| Ý kiến kiểm toán | 84 |
| Báo cáo tài chính được kiểm toán | 88 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Quang Minh Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Hoàng Nghĩa - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Phê duyệt và công bố báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Trần Hoàng Nghĩa – Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã ủy quyền cho Ông Bùi Quang Minh – Tổng Giám đốc phê duyệt và công bố báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo Giấy ủy quyền số 01.25/UQ/VID-HCNS ngày 10/10/2025. Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi có văn bản khác thay thế.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 của Công ty và công ty con (được gọi chung là "Nhóm Công ty").

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với các Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2025 kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") và công ty con (Công ty và công ty con sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 7 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 25/03/2025.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**



Kiểm toán viên

Tạ Quang Long

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0649-2023-142-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Nguyễn Thị Thảo

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 2626-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 582.304.733.709 | 640.851.439.195 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 7.990.433.233 | 59.472.354.548 |
| 1. Tiền | 111 | | 7.960.433.233 | 59.472.354.548 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 30.000.000 | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 11.200.000.000 | 59.800.259.341 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 11.200.000.000 | 59.800.259.341 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 302.077.450.301 | 232.709.612.770 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 243.686.655.837 | 265.061.518.752 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 56.990.628.178 | 18.547.397.777 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | V.5 | 3.912.192.473 | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.6 | 44.170.438.671 | 1.267.493.866 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | V.7 | (46.682.464.858) | (52.166.797.625) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | V.8 | 256.815.906.158 | 283.714.324.814 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 256.815.906.158 | 283.714.324.814 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 4.220.944.017 | 5.154.887.722 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.13 | 71.655.222 | 214.467.058 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 3.914.294.901 | 4.877.916.255 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.18 | 234.993.894 | 62.504.409 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 539.797.497.540 | 480.898.552.360 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 35.000.000.000 | 554.325.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | V.5 | 35.000.000.000 | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.6 | - | 554.325.000 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | - | - |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|-------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| II. Tài sản cố định | 220 | | 45.943.648.896 | 50.627.228.637 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.10 | 41.365.432.451 | 45.987.679.001 |
| - Nguyên giá | 222 | | 128.262.946.776 | 125.017.849.343 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (86.897.514.325) | (79.030.170.342) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| - Nguyên giá | 225 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 4.578.216.445 | 4.639.549.636 |
| - Nguyên giá | 228 | | 8.333.461.916 | 8.178.611.916 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (3.755.245.471) | (3.539.062.280) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | V.12 | 18.751.415.355 | 18.751.415.355 |
| - Nguyên giá | 231 | | 18.751.415.355 | 18.751.415.355 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | V.9 | 7.571.091.656 | 42.100.000 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 7.571.091.656 | 42.100.000 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.2 | 430.699.005.163 | 407.654.632.178 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | 237.348.345.163 | 266.799.192.178 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 194.104.160.000 | 141.608.940.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | (753.500.000) | (753.500.000) |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 1.832.336.470 | 3.268.851.190 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.13 | 942.261.796 | 1.488.701.843 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | V.14 | 890.074.674 | 1.780.149.347 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.122.102.231.249 | 1.121.749.991.555 |

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|-----------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 487.066.926.978 | 453.797.604.428 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 482.966.926.978 | 442.911.304.428 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.16 | 51.964.500.168 | 91.140.838.900 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.17 | 14.295.682.716 | 349.983.633 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.18 | 4.655.332.179 | 5.007.271.891 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | - | - |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.19 | 331.064.864 | 821.539.573 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.20 | 686.858.002 | 779.404.519 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15 | 408.920.056.307 | 342.346.153.170 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.21 | 2.113.432.742 | 2.466.112.742 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 4.100.000.000 | 10.886.300.000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.20 | - | 186.300.000 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.15 | 4.100.000.000 | 10.700.000.000 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | V.22 | 635.035.304.271 | 667.952.387.127 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 635.035.304.271 | 667.952.387.127 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 408.360.690.000 | 408.360.690.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 408.360.690.000 | 408.360.690.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 5.032.671.673 | 5.032.671.673 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | 3.367.759.813 | 3.367.759.813 |

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|------------------------------------------------|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 10.774.125.649 | 10.774.125.649 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 49.498.865.958 | 69.813.881.523 |
| - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 49.031.611.438 | 62.869.021.774 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 467.254.520 | 6.944.859.749 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | | 158.001.191.178 | 170.603.258.489 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.122.116.779.441 | 1.121.749.991.555 |

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Tổng Giám đốc



Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------------------------------|-----------|--------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.136.851.273.833 | 1.188.877.855.220 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 1.136.851.273.833 | 1.188.877.855.220 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 1.072.812.155.646 | 1.115.825.642.458 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 64.039.118.187 | 73.052.212.762 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 11.310.506.438 | 12.344.449.167 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 29.079.283.005 | 28.383.387.811 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 21.720.659.112 | 18.436.531.892 |
| 8. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh | 24 | VI.5 | 16.812.489.570 | 22.234.505.490 |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 19.881.351.964 | 30.801.083.398 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.6 | 34.289.506.380 | 40.546.036.893 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 8.911.972.846 | 7.900.659.317 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 2.786.848.466 | 3.518.525.269 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 5.174.769.758 | 50.740.403 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (2.387.921.292) | 3.467.784.866 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 6.524.051.554 | 11.368.444.183 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.9 | 5.119.889.525 | 1.760.606.528 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế | 60 | | 1.404.162.029 | 9.607.837.655 |
| 18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 61 | | 467.254.520 | 6.944.859.749 |
| 18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 936.907.509 | 2.662.977.906 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10 | 11 | 170 |
| 20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10 | 11 | 170 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 6.524.051.554 | 11.368.444.183 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 9.627.656.287 | 9.100.501.544 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | (5.484.332.767) | (3.112.948.382) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | 404.538.172 | 1.946.065.018 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (28.840.561.418) | (32.747.982.680) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 21.720.659.112 | 18.436.531.892 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 3.952.010.940 | 4.990.611.575 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (30.460.159.548) | 63.303.736.755 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 26.898.418.656 | 23.484.231.280 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | | (40.540.827.239) | (188.400.616.255) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 689.251.883 | (527.069.327) |
| - (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (22.210.093.821) | (18.267.457.488) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (4.798.041.137) | (1.140.625.811) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (352.680.000) | (463.320.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (66.822.120.266) | (117.020.509.271) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (11.732.970.864) | (7.224.161.545) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 1.262.869.880 | 20.000.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (122.350.000.000) | (10.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 131.054.156.686 | 64.438.548.330 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (51.155.720.000) | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 28.705.994.612 | 34.042.238.295 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (24.215.669.686) | 81.276.625.080 |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2025

Đơn vị tính: VN

| Chỉ tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 943.567.260.259 | 1.018.631.129.279 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (883.593.357.122) | (975.178.134.392) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (20.418.034.500) | (45.341.753.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 39.555.868.637 | (1.888.758.113) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (51.481.921.315) | (37.632.642.304) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | | 59.472.354.548 | 97.104.996.852 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 7.990.433.233 | 59.472.354.548 |

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thủy Tiên

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Bùi Quang Minh

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300377536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2000.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã nhiều lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh) cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300377536 đăng ký thay đổi lần thứ 19 vào ngày 10 tháng 10 năm 2025 với số vốn điều lệ là 408.360.690.000 VND.

Hiện cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VID.

Trụ sở chính của Công ty tại 806 Âu Cơ, phường Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng cán bộ và nhân viên của Công ty mẹ và công ty con tại ngày 31/12/2025 là 71 người (tại ngày 31/12/2024 là 74 người).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy và hợp tác kinh doanh về hoạt động giáo dục.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc của Nhóm Công ty

Tổng số các Công ty con : 01

Số lượng Công ty con được hợp nhất: 01

Số lượng Công ty con không được hợp nhất: 0

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Danh sách các công ty con được hợp nhất theo phương pháp giá gốc như sau:

| Tên Công ty con | Ngành hoạt động | Vốn điều lệ (VND) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ biểu quyết (%) |
|-------------------------------|-------------------------------------------|-------------------|------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực | Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa giấy | 230.400.000.000 | 51,03% | 51,03% |

Danh sách các công ty liên kết hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

| Tên Công ty liên kết | Ngành hoạt động | Vốn điều lệ (VND) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ biểu quyết (%) |
|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | Kinh doanh các sản phẩm từ giấy, bìa giấy, cho thuê mặt bằng và hoạt động giáo dục | 173.109.780.000 | 37,05% | 40,68% |
| Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | Cho thuê văn phòng, đại lý mua bán vật tư văn hóa thông tin, văn phòng phẩm, dụng cụ học sinh... | 45.000.000.000 | 37,32% | 41,48% |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt | Giáo dục mầm non, trung học cơ sở và trung học phổ thông; Đào tạo ngoại ngữ và tin học | 136.890.000.000 | 33,63% | 38,70% |
| Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | Trồng, kinh doanh, chế biến nông sản. Kinh doanh vật tư nông nghiệp... | 19.505.110.000 | 27,04% | 27,04% |

Tại ngày 31/12/2025, Nhóm Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông – Bình Dương tại Số 15, đường N3, khu công nghiệp Sóng Thần 3, khu 1, phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm Nhóm Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các công ty trong Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán cũng như lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Các công ty trong Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC, hệ thống các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan khác của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được lập và trình bày theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc bảo đảm đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kế toán có liên quan trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không mất đi quyền kiểm soát được hạch toán vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Trường hợp Nhóm Công ty thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành công ty liên doanh, liên kết của Nhóm Công ty thì khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp Nhóm Công ty đã thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường của Nhóm Công ty,

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước đây Nhóm Công ty đã thoái một phần vốn nắm giữ tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Bảng cân đối kế toán hợp nhất, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến Nhóm Công ty mất quyền kiểm soát, theo đó Nhóm Công ty kết chuyển lãi/lỗ trước đây đã ghi nhận trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sang Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng tại thời điểm này theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch;

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

c) Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi đầu tư. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi đầu tư.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi đầu tư được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi đầu tư từ các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, như chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, được ghi nhận vào các khoản mục tương ứng của vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty. Thay đổi lũy kế sau khi đầu tư được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức, lợi nhuận nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Nhóm Công ty dùng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ thời điểm khoản đầu tư không còn là công ty liên kết. Nếu khoản đầu tư còn lại trong công ty liên kết trở thành khoản đầu tư tài chính dài hạn, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý và được coi là giá trị gốc tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Phần lãi/(lỗ) từ việc thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

d) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Nhóm Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm các chi phí trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá; các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do bán hoặc thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| Loại tài sản | Thời gian khấu hao (năm) | |
|---------------------------------|--------------------------|---------|
| | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 38 | 05 – 38 |
| - Máy móc, thiết bị | 03 – 12 | 03 – 12 |
| - Phương tiện vận tải | 05 – 10 | 05 – 10 |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 05 | 03 – 05 |
| - Phần mềm máy tính | 03 – 06 | 03 – 06 |
| - Quyền sử dụng đất có thời hạn | 39 | 39 |

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính và các quy định khác về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành. Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá. Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi lỗ phát sinh do bán bất động sản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn phần sở hữu của bên mua đối với giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, thì phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm báo cáo:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong Nhóm Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của các công ty trong Nhóm Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của các công ty trong Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng, thành phẩm

Doanh thu từ bán hàng hóa và thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa và thành phẩm được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Tiền lãi và cổ tức được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức được ghi nhận khi Nhóm Công ty được quyền nhận cổ tức.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; Chi phí vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm và hàng hoá cung cấp dịch vụ của Nhóm Công ty.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Nhóm Công ty.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc các đơn vị chịu thuế khác nhau dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh); hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo lĩnh vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác định việc ra các quyết định quản lý của Nhóm Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm và dịch vụ cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Nhóm Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do đó, Nhóm Công ty chỉ trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực địa lý. Nhóm Công ty được tổ chức thành các bộ phận kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp như sau:

- Kinh doanh các sản phẩm từ giấy.

- Các dịch vụ khác: Doanh thu, kết quả hoạt động và tài sản của bộ phận này chiếm tỷ trọng dưới 10% tổng doanh thu, kết quả hoạt động và tài sản của Nhóm Công ty nên thông tin của bộ phận này được trình bày tại phần quản lý chung của Nhóm Công ty.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--------------------|----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 658.960.659 | 764.071.118 |
| Tiền gửi ngân hàng | 7.301.472.574 | 58.708.283.430 |
| Tiền đang chuyển | 30.000.000 | - |
| Cộng | 7.990.433.233 | 59.472.354.548 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| Công ty liên kết | 01/01/2025 | Phần lãi/lỗ trong công ty liên kết | Cổ tức, lợi nhuận được chia | Tăng/(giảm) vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết | Góp vốn/Thoái vốn đầu tư tại công ty liên kết | 31/12/2025 |
|------------------------------------------------|------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt | 45.000.000.000 | - | - | - | (45.000.000.000) | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | 102.597.131.942 | 12.080.481.500 | (10.562.041.500) | - | - | 104.115.571.942 |
| Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | 26.975.864.554 | 1.251.612.897 | (933.359.500) | - | - | 27.294.117.951 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt | 86.615.793.910 | 3.137.753.437 | (7.064.200.000) | - | 17.660.500.000 | 100.349.847.347 |
| Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | 5.610.401.772 | 342.641.736 | - | (364.235.585) | - | 5.588.807.923 |
| Cộng | 266.799.192.178 | 16.812.489.570 | (18.559,601,000) | (364,235,585) | (27,339,500,000) | 237,348,345,163 |

(*) Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Nhóm Công ty trong các công ty liên kết, liên doanh xem ở Thuyết minh 1.5.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: VND

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|--------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá gốc |
| | Giá trị ghi sổ | Giá trị ghi sổ |
| - Ngắn hạn | 11.200.000.000 | 11.200.000.000 |
| + Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng (i) | 11.200.000.000 | 11.200.000.000 |
| - Dài hạn | - | - |
| + Tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn gốc trên 12 tháng | - | - |
| Cộng | 11.200.000.000 | 11.200.000.000 |
| | 59.800.259.341 | 59.800.259.341 |

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại dưới một năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Tháng Hai, lãi suất tiền gửi từ 4,2%/năm đến 4,5%/năm. Nhóm Công ty đã cầm cố toàn bộ các khoản tiền gửi ngân hàng này để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (Xem thuyết minh số V.15).

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

| Đối tượng | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|-------------------------------------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|
| | Tỷ lệ sở hữu | Giá trị (VND) | Tỷ lệ sở hữu | Giá trị (VND) |
| Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt | - | - | 37,65% | 45.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | 37,05% | 104.115.571.942 | 37,05% | 102.597.131.942 |
| Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | 37,32% | 27.294.117.951 | 37,32% | 26.975.864.554 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt | 33,63% | 100.349.847.347 | 33,63% | 86.615.793.910 |
| Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | 27,04% | 5.588.807.923 | 27,04% | 5.610.401.772 |
| Cộng | | 237.348.345.163 | | 266.799.192.178 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| 3. Phải thu của khách hàng | | |
| a) Ngắn hạn | 243.686.655.837 | 265.061.518.752 |
| <i>Các khách hàng là bên liên quan</i> | <i>20.844.594.672</i> | <i>38.191.428.401</i> |
| Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | 19.759.970.801 | 25.959.970.801 |
| Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hoá Tây Đô | 1.084.623.871 | 7.691.457.600 |
| Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ | - | 4.540.000.000 |
| <i>Các khách hàng là bên thứ ba</i> | <i>222.842.061.165</i> | <i>226.870.090.351</i> |
| Công ty TNHH MTV Văn hóa Đại Việt Á | 30.292.611.460 | 18.377.664.050 |
| Công ty TNHH MTV In Báo Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh | 29.879.975.630 | 32.748.429.267 |
| Công ty Cổ phần In bao bì Khatoco | 24.780.607.449 | 24.350.103.986 |
| Công ty Cổ phần In Số 7 | 23.136.423.827 | 18.019.131.581 |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Văn hóa Hương Trang | 14.614.759.682 | 14.648.725.770 |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vi Na | 9.699.145.003 | 9.699.145.003 |
| Các khách hàng khác | 90.438.538.114 | 109.026.890.694 |
| b) Dài hạn | - | - |
| Cộng | 243.686.655.837 | 265.061.518.752 |

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|----------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 4. Trả trước người bán | | |
| a) Ngắn hạn | 56.990.628.178 | 18.547.397.777 |
| <i>Các nhà cung cấp là bên liên quan</i> | <i>6.507.395.948</i> | <i>6.507.395.948</i> |
| Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | 6.507.395.948 | 6.507.395.948 |
| <i>Các nhà cung cấp là bên thứ ba</i> | <i>50.483.232.230</i> | <i>12.040.001.829</i> |
| Công ty Cổ phần Tac Paritas | 45.521.404.883 | 5.088.080.723 |
| Kinmari Sigma Matt Hokuetsu Corporation | 1.816.557.325 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị PCCC Thanh Niên | 1.062.600.000 | 1.062.600.000 |
| Các nhà cung cấp khác | 2.082.670.022 | 5.889.321.106 |
| b) Dài hạn | - | - |
| Cộng | 56.990.628.178 | 18.547.397.777 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

c) Đầu tư vào đơn vị khác

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|---------------------------------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|
| | Tỷ lệ sở hữu | Giá trị (VND) | Tỷ lệ sở hữu | Giá trị (VND) |
| Đối tượng | | | | |
| Công ty Cổ phần Tac Paritas | 7,50% | 80.000.000.000 | 7,50% | 80.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Văn hoá Giáo dục Việt Mỹ | 11,98% | 94.350.660.000 | 10,09% | 60.855.440.000 |
| Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt | 16,55% | 19.000.000.000 | - | - |
| Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An | 13,87% | 416.000.000 | 13,87% | 416.000.000 |
| Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt | 15,00% | 337.500.000 | 15,00% | 337.500.000 |
| Cộng | | 194.104.160.000 | | 141.608.940.000 |
| | | 753.500.000 | | 753.500.000 |

(*) *Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần Tac Paritas, Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ và Công ty Cổ phần Ấn Tượng Việt lần lượt là 14,69%, 17,03% và 19%. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An và Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm lý Hồn Việt bằng với tỷ lệ sở hữu.*

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|-----------------------------------------------|-----------------------|-------------------|
| a) Ngắn hạn | 3.912.192.473 | - |
| <i>Bên vay là các bên thứ ba</i> | <i>3.912.192.473</i> | - |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang (i) | 3.912.192.473 | - |
| b) Dài hạn | 35.000.000.000 | - |
| <i>Bên vay là các bên liên quan</i> | <i>35.000.000.000</i> | - |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (ii) | 35.000.000.000 | - |
| Cộng | 38.912.192.473 | - |

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Văn hóa Văn Lang vay theo các hợp đồng:

-Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 10/03/HĐVV/2025/GIẤYTL ngày 10/03/2025. Số tiền cho vay 6.400.000.000 VND, thời gian vay từ 10/03/2025 đến 09/03/2026, lãi suất cho vay 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Số dư của khoản vay theo hợp đồng này tại ngày 31/12/2025 là 212.192.473 VND.

-Hợp đồng vay vốn kinh doanh số 21/04/HĐVV/2025/GIẤYTL ngày 21/04/2025. Số tiền cho vay 3.700.000.000 VND, thời gian vay từ 21/04/2025 đến 20/04/2026, lãi suất cho vay 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Số dư của khoản vay theo hợp đồng này tại ngày 31/12/2025 là 3.700.000.000 VND.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ vay theo các hợp đồng:

-Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 01/HĐVV/VĐ-VM ngày 08/12/2025, số tiền cho vay 21.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 24 tháng kể từ ngày thực tế nhận tiền, lãi suất cho vay 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

-Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 02/HĐVV/VĐ-VM ngày 15/12/2025, số tiền cho vay 8.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 24 tháng kể từ ngày thực tế nhận tiền, lãi suất cho vay 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

-Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh số 03/HĐVV/VĐ-VM ngày 26/12/2025, số tiền cho vay 6.000.000.000 VND. Thời hạn cho vay là 24 tháng kể từ ngày thực tế nhận tiền, lãi suất cho vay 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. Phải thu khác

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| a) Ngắn hạn | 44.170.438.671 | 1.267.493.866 |
| Tạm ứng | 37.177.101 | 250.387.003 |
| Ký cược, ký quỹ | 12.159.990.015 | 5.000.000 |
| Bảo hiểm xã hội nộp thừa | 2.560.000 | - |
| Phải thu khác | 31.970.711.555 | 1.012.106.863 |
| <i>Phải thu ngắn hạn khác các bên liên quan</i> | <i>31.153.050.000</i> | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt (Chuyển nhượng khoản đầu tư) | 26.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (Lãi cho vay) | 953.050.000 | - |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (Lợi nhuận hợp tác kinh doanh) | 4.200.000.000 | - |
| <i>Phải thu ngắn hạn khác là bên thứ ba</i> | <i>817.661.555</i> | <i>1.012.106.863</i> |
| Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu | 186.734.795 | 1.001.925.863 |
| Lãi cho vay phải thu | 630.926.760 | - |
| Các đối tượng khác | - | 10.181.000 |
| b) Dài hạn | - | 554.325.000 |
| Ký cược ký quỹ dài hạn | - | 554.325.000 |
| Cộng | 44.170.438.671 | 1.821.818.866 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | | Đơn vị tính: VND |
|-------------|------------------------|----------|------------------------|----------|------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | |
| Thành phẩm | 2.716.192.035 | - | 4.802.336.758 | - | |
| Hàng hóa | 254.099.714.123 | - | 278.911.988.056 | - | |
| Cộng | 256.815.906.158 | - | 283.714.324.814 | - | |

Hàng tồn kho là giấy các loại của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem tại thuyết minh số V.15).

**9. Tài sản dở dang dài hạn
Xây dựng cơ bản dở dang**

| | 01/01/2025 | | Chi phí phát sinh trong năm | | Kết chuyển vào TSCĐ trong năm | | Đơn vị tính: VND |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------------|----------------------|-------------------------------|------------|------------------|
| | | | | | | 31/12/2025 | |
| Công trình cải tạo trường học | 42.100.000 | - | 7.708.787.919 | (2.522.887.919) | 5.228.000.000 | - | |
| Công trình cải tạo lan can và nhà vệ sinh văn phòng | - | - | 337.067.271 | (337.067.271) | - | - | |
| Công trình cải tạo nhà hàng | - | - | 1.068.812.200 | (1.068.812.200) | - | - | |
| Công trình cải tạo bể mặt sân thể thao đa năng, sân pickleball, sân bóng rổ | - | - | 680.030.000 | - | 680.030.000 | - | |
| Công trình nội trú | - | - | 1.518.037.795 | - | 1.518.037.795 | - | |
| Công trình cải tạo P. Zen | - | - | 12.500.000 | - | 12.500.000 | - | |
| Công trình tham vấn học đường | - | - | 132.523.861 | - | 132.523.861 | - | |
| Cộng | 42.100.000 | 11.457.759.046 | (3.928.767.390) | 7.571.091.656 | | | |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | | Đơn vị tính: VND |
|--------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | |
| Phải thu khách hàng | 70.281.744.369 | 31.305.845.428 | 38.975.898.941 | 45.522.831.708 | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | 19.759.970.801 | 500.000.000 | 19.259.970.801 | 25.959.970.801 | |
| Công ty TNHH MTV In báo Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh | 29.879.975.630 | 28.491.219.229 | 1.388.756.401 | 1.388.756.401 | |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Sao Mai Vì Na | 9.699.145.003 | - | 9.699.145.003 | 9.699.145.003 | |
| Công ty Cổ Phần In - Bao Bì An Phú | 1.986.262.211 | 1.285.767.509 | 700.494.702 | 428.349.529 | |
| Công ty TNHH MTV In Đắc Lắc | 1.637.728.583 | 695.196.611 | 942.531.972 | 611.319.000 | |
| Các khách hàng khác | 7.318.662.141 | 333.662.079 | 6.985.000.062 | 7.435.290.974 | |
| Trả trước cho người bán | 7.706.565.917 | - | 7.706.565.917 | 6.643.965.917 | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | 6.507.395.948 | - | 6.507.395.948 | 6.507.395.948 | |
| Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Thiết bị PCCC Thanh Niên | 1.062.600.000 | - | 1.062.600.000 | - | |
| Công ty TNHH Xã hội Công dân Chuyên nghiệp | 136.569.969 | - | 136.569.969 | 136.569.969 | |
| Cộng | 77.988.310.286 | 31.305.845.428 | 46.682.464.858 | 52.166.797.625 | |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

| | Quyền sử dụng đất ^(*) | Phần mềm máy tính | Cộng |
|-------------------------------------------|----------------------------------|--------------------|----------------------|
| Nguyên giá tài sản cố định vô hình | | | |
| 01/01/2025 | 7.726.577.193 | 452.034.723 | 8.178.611.916 |
| Mua trong năm | - | 154.850.000 | 154.850.000 |
| 31/12/2025 | 7.726.577.193 | 606.884.723 | 8.333.461.916 |
| Giá trị đã hao mòn | | | |
| 01/01/2025 | 3.087.027.557 | 452.034.723 | 3.539.062.280 |
| Trích khấu hao trong năm | 198.117.360 | 18.065.831 | 216.183.191 |
| 31/12/2025 | 3.285.144.917 | 470.100.554 | 3.755.245.471 |
| Giá trị còn lại | | | |
| 01/01/2025 | 4.639.549.636 | - | 4.639.549.636 |
| 31/12/2025 | 4.441.432.276 | 136.784.169 | 4.578.216.445 |

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 452.034.723 VND.

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình cuối kỳ dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay: 0 VND.

^(*) Chi tiết:

Quyền sử dụng đất có thời hạn

Thửa đất số 338 tại Lô A2-8 đường N5, KCN Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh (Thông tin đơn vị hành chính trước ngày 01/07/2025)

Diện tích (m²) Số tiền (VND)

8.940,30 7.726.577.193

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không thời hạn tại thửa đất số 174, 180, 181, 182 tại lô số 174-180-181-182, khu 10, khu đô thị mới Vĩnh Hòa, phường Vĩnh Hòa, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa (Thông tin đơn vị hành chính trước ngày 01/07/2025) với diện tích 1.062,4 m² có nguyên giá là 18.751.415.355 VND, mục đích nắm giữ bất động sản này là để chờ tăng giá, không trích khấu hao.

13. Chi phí trả trước

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | 71.655.222 | 214.467.058 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 6.984.623 | 69.864.824 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 64.670.599 | 144.602.234 |
| b) Dài hạn | 942.261.796 | 1.488.701.843 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 813.493.063 | 1.072.901.465 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 128.768.733 | 415.800.378 |
| Cộng | 1.013.917.018 | 1.703.168.901 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

| Nguyên giá tài sản cố định hữu hình | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị dụng cụ quản lý | Cộng |
|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|---------------------------------|--------------------------|------------------------|
| 01/01/2025 | 97.825.660.663 | 10.729.550.215 | 13.891.605.158 | 2.571.033.307 | 125.017.849.343 |
| Tăng trong năm | 3.928.767.390 | 120.361.818 | - | - | 4.049.129.208 |
| Thanh lý trong năm | (498.940.866) | (109.090.909) | - | (196.000.000) | (804.031.775) |
| Phân loại lại | - | 2.717.425.014 | (2.717.425.014) | - | - |
| 31/12/2025 | 101.255.487.187 | 13.458.246.138 | 11.174.180.144 | 2.375.033.307 | 128.262.946.776 |
| Giá trị đã hao mòn | | | | | |
| 01/01/2025 | 58.647.144.360 | 10.436.755.620 | 7.406.292.615 | 2.539.977.747 | 79.030.170.342 |
| Trích khấu hao trong năm | 7.370.345.783 | 489.721.107 | 646.998.204 | 14.333.328 | 8.521.398.422 |
| Thanh lý trong năm | (348.963.530) | (109.090.909) | - | (196.000.000) | (654.054.439) |
| Phân loại lại | - | (46.745.995) | 46.745.995 | - | - |
| 31/12/2025 | 65.668.526.613 | 10.770.639.823 | 8.100.036.814 | 2.358.311.075 | 86.897.514.325 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| 01/01/2025 | 39.178.516.303 | 292.794.595 | 6.485.312.543 | 31.055.560 | 45.987.679.001 |
| 31/12/2025 | 35.586.960.574 | 2.687.606.315 | 3.074.143.330 | 16.722.232 | 41.365.432.451 |

* Ghi chú:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 35.528.821.479 VND.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 0 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

a) Ngân hạn

| | Đơn vị tính: VND | | | |
|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|--------------------------|------------------------|
| | 01/01/2025 | 31/12/2025 | | |
| | Phát sinh tăng trong năm | Phát sinh giảm trong năm | | |
| <i>Vay ngắn hạn</i> | | | | |
| Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Ba Tháng Hai (i) | 341.846.153.170 | 942.467.260.259 | (875.393.357.122) | 408.920.056.307 |
| Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin- Chi nhánh Quận 5 (ii) | 272.185.392.279 | 799.385.681.132 | (728.169.150.445) | 343.401.922.966 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - Chi nhánh Đồng Sài Gòn (iii) | 69.660.760.891 | 143.068.619.127 | (147.224.206.677) | 65.505.173.341 |
| <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Vạn Hòa Thanh Trúc | 500.000.000 | 12.960.000 | - | 12.960.000 |
| | 500.000.000 | - | (500.000.000) | - |
| | 500.000.000 | - | (500.000.000) | - |
| Cộng | 342.346.153.170 | 951.467.260.259 | (939.798.357.122) | 408.920.056.307 |

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ba Tháng Hai ("BIDV") theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/2317695/HDTĐ ngày 15/08/2025. Hạn mức vay là 700 tỷ đồng gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn và bảo lãnh thanh toán tối đa là 500 tỷ đồng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng nhưng tối đa không quá ngày 31/08/2026. Lãi suất vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo: Cập tin dụng tài trợ nhập khẩu hàng hóa bảo đảm bằng lô hàng nhập khẩu. Trường hợp không đảm bảo bằng lô hàng nhập khẩu, đơn vị duy trì danh mục tài sản đảm bảo là các Bất động sản đang thế chấp tại chi nhánh.

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm (01/01) | 8.900.746.732 | 8.900.746.732 |
| Nguyên giá (giá gốc) | (7.120.597.385) | (6.230.522.711) |
| Phân bổ lũy kế | 1.780.149.347 | 2.670.224.021 |
| Giá trị còn lại | 1.780.149.347 | 2.670.224.021 |
| Phát sinh trong năm | | |
| Phân bổ trong kỳ | (890.074.673) | (890.074.674) |
| Số dư cuối năm (31/12) | 8.900.746.732 | 8.900.746.732 |
| Nguyên giá (giá gốc) | (8.010.672.058) | (7.120.597.385) |
| Phân bổ lũy kế | 890.074.674 | 1.780.149.347 |
| Giá trị còn lại | 890.074.674 | 1.780.149.347 |



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

14. Lợi thế thương mại

Số dư đầu năm (01/01)
 Nguyên giá (giá gốc)
 Phân bổ lũy kế
Giá trị còn lại
 Phát sinh trong năm
 Phân bổ trong kỳ
 Số dư cuối năm (31/12)
 Nguyên giá (giá gốc)
 Phân bổ lũy kế
Giá trị còn lại

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(i) Vay Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn Hóa Thanh Trúc theo các hợp đồng vay:

- Hợp đồng vay vốn số 01.2023/HĐVV ngày 21/08/2023 với số tiền vay 500 triệu đồng. Mục đích vay vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại từ nhập khẩu hoặc mua bán nội địa. Thời hạn vay 24 tháng với lãi suất vay 7%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được gia hạn theo Phụ lục số 01.01/2023/HĐVV ngày 18/08/2025.
- Hợp đồng vay vốn số 01.2024/HĐVV ngày 25/10/2024 với số tiền vay là 2,5 tỷ đồng. Mục đích vay vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại từ nhập khẩu hoặc mua bán, sản xuất trong nước, tiêu thụ trong nước dưới dạng giấy cuộn ram. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 7%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay vốn số 01.2025/HĐVV ngày 11/03/2025 với số tiền vay 600 triệu đồng. Mục đích vay vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại từ nhập khẩu hoặc mua bán, sản xuất trong nước, tiêu thụ trong nước dưới dạng giấy cuộn ram. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 7%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay vốn số 02.2025/HĐVV ngày 24/06/2025 với số tiền vay 500 triệu đồng. Mục đích vay vốn kinh doanh mặt hàng giấy các loại từ nhập khẩu hoặc mua bán, sản xuất trong nước, tiêu thụ trong nước dưới dạng giấy cuộn ram. Thời hạn vay 24 tháng, lãi suất vay 7%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin - Chi nhánh Quận 5 ("Sacombank") theo Hợp đồng số 201907480016/2014 ngày 16/07/2024 và hợp đồng gia hạn số 01/201907480016 ngày 04/08/2025. Hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng trong đó hạn mức cho vay, bảo lãnh là 110 tỷ đồng, hạn mức phát hành LC trả ngay là 40 tỷ đồng. Mục đích vay là bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay không quá 06 tháng được quy định theo từng văn kiện tín dụng cụ thể. Lãi suất vay được quy định trên từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản là các Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc sở hữu của thành viên Công ty; thế chấp hàng hóa là giấy các loại thuộc sở hữu của Công ty - giấy nhập khẩu hoặc mua nội địa với sự tài trợ của Sacombank.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Sài Gòn ("MB") theo Hợp đồng cấp tín dụng số 321144.25.112.5164231.TD ngày 06/10/2025. Hạn mức tín dụng 130,5 tỷ đồng hạn mức cho vay 100 tỷ đồng. Hạn mức bảo lãnh thanh toán 25 tỷ đồng, hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán 30 tỷ đồng, hạn mức phát hành LC (không gồm LC xuất khẩu) 100 tỷ đồng. Cấp tín dụng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sản xuất, thương mại giấy của khách hàng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: Từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 30/06/2026. Lãi suất vay chỉ tiết tại văn bản nhận nợ theo từng lần giải ngân. Tài sản đảm bảo bao gồm:
 - Tài sản nhóm 1: Kỳ quỹ tại MB, tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi/ Sổ tiết kiệm/ giấy tờ có giá do MB phát hành được MB chấp thuận;
 - Tài sản nhóm 2: Tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi/ Sổ tiết kiệm/ giấy tờ có giá do Tờ chức tín dụng phát hành được MB chấp thuận, bất động sản, phương tiện vận tải; máy móc thiết bị được MB chấp nhận;
 - Tài sản nhóm 3: Toàn bộ hàng hóa, quyền đòi nợ hình thành từ phương án MB tài trợ.

b) Dài hạn

| | <i>Đơn vị tính: VND</i> | | | |
|-----------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------|
| | 01/01/2025 | Phát sinh tăng trong năm | Phát sinh giảm trong năm | 31/12/2025 |
| <i>Vay bên liên quan</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ | 8.200.000.000 | - | (8.200.000.000) | - |
| <i>Vay bên thứ ba</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Văn Hóa Thanh Trúc (i) | 2.500.000.000 | 1.600.000.000 | - | 4.100.000.000 |
| Cộng | 10.700.000.000 | 1.600.000.000 | (8.200.000.000) | 4.100.000.000 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà Nước

| | 01/01/2025 | | 31/12/2025 | |
|--------------------------------------|-------------------|-----------------------------|-------------------|-----------------------------|
| | Phải nộp trong kỳ | Đã nộp, điều chỉnh trong kỳ | Phải nộp trong kỳ | Đã nộp, điều chỉnh trong kỳ |
| a) Phải nộp | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 5.007.271.891 | (66.912.847.009) | 4.655.332.179 | - |
| Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu | 3.140.787.888 | (7.642.681.573) | 2.516.019.647 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | (46.262.428.481) | - | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.760.606.528 | (4.798.041.137) | 2.082.454.916 | - |
| Thuế đất, tiền thuế đất | 105.877.475 | (1.846.068.933) | 56.857.616 | - |
| Thuế khác | - | (3.487.673.614) | - | - |
| | - | (2.875.953.271) | - | - |
| b) Phải thu | | | | |
| Thuế nhập khẩu | 62.504.409 | (1.488.983.534) | 234.993.894 | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | (1.488.983.534) | 172.489.485 | - |
| | 62.504.409 | - | 62.504.409 | - |

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| a) Ngân hạn | | | | |
| <i>Các nhà cung cấp là bên thứ ba</i> | | | | |
| Công ty Moorim P&P Korea | 51.964.500.168 | 51.964.500.168 | 91.140.838.900 | 91.140.838.900 |
| Gold East Trading (Hong Kong) Co., Ltd China | 51.964.500.168 | 51.964.500.168 | 91.140.838.900 | 91.140.838.900 |
| Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics | 29.660.854.468 | 29.660.854.468 | 24.625.821.541 | 24.625.821.541 |
| Công ty NP International (s) Japan | 10.718.722.840 | 10.718.722.840 | 18.892.132.172 | 18.892.132.172 |
| Kleannara Co., Ltd Korea | 4.097.666.560 | 4.097.666.560 | 4.096.557.795 | 4.096.557.795 |
| Các nhà cung cấp khác | 2.622.428.509 | 2.622.428.509 | 23.676.729.646 | 23.676.729.646 |
| | 2.228.514.918 | 2.228.514.918 | 11.009.000.443 | 11.009.000.443 |
| | 2.636.312.873 | 2.636.312.873 | 8.840.597.303 | 8.840.597.303 |
| b) Dài hạn | - | - | - | - |
| Cộng | 51.964.500.168 | 51.964.500.168 | 91.140.838.900 | 91.140.838.900 |

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

17. Người mua trả tiền trước

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|----------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|--------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| a) Ngân hạn | | | | |
| <i>Các khách hàng là bên thứ ba</i> | | | | |
| Công ty Cổ phần In Tổng hợp Cần Thơ | 14.295.682.716 | 14.295.682.716 | 349.983.633 | 349.983.633 |
| Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Tiền Giang | 10.589.007.675 | 10.589.007.675 | - | - |
| Các khách hàng khác | 3.556.224.000 | 3.556.224.000 | - | - |
| | 150.451.041 | 150.451.041 | 349.983.633 | 349.983.633 |
| b) Dài hạn | - | - | - | - |
| Cộng | 14.295.682.716 | 14.295.682.716 | 349.983.633 | 349.983.633 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Số dư đầu năm trước (01/01/2024) | | Số dư cuối năm trước (31/12/2024) | | Số dư đầu năm nay (01/01/2025) | | Số dư cuối năm nay (31/12/2025) | |
|------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|---|
| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND) | Thặng dư vốn cổ phần (VND) | Vốn khác của chủ sở hữu (VND) | Quỹ đầu tư phát triển (VND) | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (VND) | Lợi ích cổ đông không kiểm soát (VND) | Cộng (VND) | |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Số dư cuối năm trước (31/12/2024) | 408.360.690.000 | 5.032.671.673 | 3.367.759.813 | 10.774.125.649 | 83.428.036.702 | 184.878.709.703 | 695.841.993.540 | |
| Số dư đầu năm nay (01/01/2025) | 408.360.690.000 | 5.032.671.673 | 3.367.759.813 | 10.774.125.649 | 69.813.881.523 | 170.603.258.469 | 667.952.387.127 | |
| Lãi trong năm nay | - | - | - | - | 467.254.520 | 936.907.509 | 1.404.162.029 | |
| Chia cổ tức trong năm nay | - | - | - | - | (20.418.034.500) | (13.538.974.800) | (33.957.009.300) | |
| Giảm vốn chủ sở hữu tại công ty liên kết | - | - | - | - | (364.235.585) | - | (364.235.585) | |
| Số dư cuối năm nay (31/12/2025) | 408.360.690.000 | 5.032.671.673 | 3.367.759.813 | 10.774.125.649 | 49.498.865.958 | 158.001.191.178 | 635.035.304.271 | |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

19. Chi phí phải trả

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| a) Ngắn hạn | 331.064.864 | 821.539.573 |
| Chi phí lãi vay phải trả | 331.064.864 | 820.499.573 |
| Chi phí phải trả khác | - | 1.040.000 |
| b) Dài hạn | - | - |
| Cộng | 331.064.864 | 821.539.573 |

20. Phải trả khác

| | 31/12/2025 VND | 01/01/2025 VND |
|----------------------------------|--------------------|--------------------|
| a) Ngắn hạn | 686.858.002 | 779.404.519 |
| Kinh phí công đoàn | 621.174.374 | 679.345.150 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 1.164.029 | - |
| Các khoản phải trả phải nộp khác | 64.519.599 | 100.059.369 |
| b) Dài hạn | - | 186.300.000 |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | - | 186.300.000 |
| Cộng | 686.858.002 | 965.704.519 |

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tại ngày 01/01 | 2.466.112.742 | 2.929.432.742 |
| Trích lập từ lợi nhuận sau thuế | - | - |
| Chi khen thưởng, phúc lợi | (352.680.000) | (463.320.000) |
| Tại ngày 31/12 | 2.113.432.742 | 2.466.112.742 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | 31/12/2025 | % | 01/01/2025 | % |
|-------------------------------------|------------------------|------------|------------------------|------------|
| | VND | | VND | |
| Bùi Quang Mẫn | 67.369.240.000 | 16,50 | 67.369.240.000 | 16,50 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | 32.300.530.000 | 7,91 | 32.300.530.000 | 7,91 |
| Nguyễn Thị Thu | 29.147.730.000 | 7,14 | 29.147.730.000 | 7,14 |
| Vốn góp của các cổ đông khác | 279.543.190.000 | 68,45 | 279.543.190.000 | 68,45 |
| Cộng | 408.360.690.000 | 100 | 408.360.690.000 | 100 |

c) Vốn góp của chủ sở hữu

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| Vốn góp đầu năm | 408.360.690.000 | 408.360.690.000 |
| Vốn góp tăng trong kỳ | - | - |
| Vốn góp giảm trong kỳ | - | - |
| Vốn góp cuối kỳ | 408.360.690.000 | 408.360.690.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 20.418.034.500 | 20.418.034.500 |

d) Cổ phiếu

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|-----------------------------------------------|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 40.836.069 | 40.836.069 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 40.836.069 | 40.836.069 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 40.836.069 | 40.836.069 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 40.836.069 | 40.836.069 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 40.836.069 | 40.836.069 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu.

e) Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01.25NQ/VID-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025. Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ bằng 5% mệnh giá cổ phần, tương đương số tiền 20.418.034.500 VND. Khoản cổ tức này đã được chi trả hết trong năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

23. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất

| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
|-------------------|------------|------------|
| Ngoại tệ các loại | | |
| - Đô la Mỹ (USD) | 1.015,58 | 3.921,15 |
| - Euro (EUR) | 20,00 | 20,00 |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa | 934.130.346.259 | 954.662.473.724 |
| Doanh thu thuần cung cấp thành phẩm | 194.714.691.320 | 225.244.297.716 |
| Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác | 8.006.236.254 | 8.971.083.780 |
| Cộng | 1.136.851.273.833 | 1.188.877.855.220 |

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.1.

2. Giá vốn hàng bán

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn bán hàng hóa | 879.669.941.980 | 893.694.887.907 |
| Giá vốn bán thành phẩm | 191.040.518.467 | 218.250.627.283 |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ | 2.101.695.199 | 3.880.127.268 |
| Cộng | 1.072.812.155.646 | 1.115.825.642.458 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi tiền, lãi cho vay | 2.400.054.904 | 4.505.365.887 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 8.515.124.400 | 5.995.220.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 395.327.134 | 1.698.681.046 |
| Doanh thu tài chính khác | - | 145.182.234 |
| Cộng | 11.310.506.438 | 12.344.449.167 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. Chi phí hoạt động tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay | 21.720.659.112 | 18.436.531.892 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 7.358.623.893 | 9.946.855.919 |
| Cộng | 29.079.283.005 | 28.383.387.811 |

5. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Công Nghệ Sài Gòn Viễn Đông | 12.080.481.500 | 11.218.947.236 |
| Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn Hóa Tây Đô | 1.251.612.897 | 657.483.862 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hoàng Việt | 3.137.753.437 | 10.048.823.144 |
| Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | 342.641.736 | 309.251.248 |
| Cộng | 16.812.489.570 | 22.234.505.490 |

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| a) Chi phí bán hàng | 19.881.351.964 | 30.801.083.398 |
| Chi phí nhân viên | 1.760.661.587 | 1.637.700.000 |
| Chi phí mua ngoài và chi phí khác | 18.120.690.377 | 29.163.383.398 |
| b) Chi phí quản lý doanh nghiệp | 34.289.506.380 | 40.546.036.893 |
| Chi phí nhân viên quản lý | 15.649.739.895 | 16.552.573.044 |
| Chi phí đồ dùng, vật liệu quản lý | 612.880.758 | 506.869.638 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 7.525.961.088 | 5.220.374.276 |
| Hoàn nhập/trích chi phí dự phòng | (5.484.332.767) | (3.112.948.382) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 10.904.104.334 | 8.300.529.073 |
| Chi phí khác | 5.081.153.072 | 13.078.639.244 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------|----------------------|----------------------|
| Lãi từ thanh lý tài sản | 1.112.892.544 | 12.891.303 |
| Xử lý các khoản nợ | - | 2.238.850.177 |
| Thu tiền bồi thường | 1.586.884.442 | 851.008.373 |
| Thu nhập khác | 87.071.480 | 415.775.416 |
| Cộng | 2.786.848.466 | 3.518.525.269 |

8. Chi phí khác

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------------------------|----------------------|-------------------|
| Chi phí phạt vi phạm hành chính | 3.044.256.583 | - |
| Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ | 2.105.022.560 | - |
| Chi phí khác | 25.490.615 | 50.740.403 |
| Cộng | 5.174.769.758 | 50.740.403 |

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Quyết toán thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty mẹ | 2.999.576.847 | - |
| - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty con | 2.120.312.678 | 1.760.606.528 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 5.119.889.525 | 1.760.606.528 |

10. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 467.254.520 | 6.944.859.749 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | - |
| Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 467.254.520 | 6.944.859.749 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 40.836.069 | 40.836.069 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu / Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 11 | 170 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí vật liệu | 185.129.351.867 | 223.664.195.715 |
| Chi phí nhân công | 21.185.532.359 | 13.684.026.454 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 9.627.656.287 | 9.100.501.544 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 29.079.025.626 | 37.540.538.471 |
| Chi phí khác bằng tiền | 5.076.813.157 | 9.965.690.862 |
| Cộng | 250.098.379.296 | 293.954.953.046 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| - Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | Công ty liên kết |
| - Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | Công ty liên kết |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt | Công ty liên kết |
| - Công ty Cổ phần Chè Minh Rồng | Công ty liên kết |
| - Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | Cổ đông lớn và có cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| - Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ | Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| - Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học Tâm Lý Hồn Việt | Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| - Công ty Cổ phần Nhà hàng Tâm An | Bên nhận vốn đầu tư và có cùng thành viên quản lý chủ chốt |
| - Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng | Thành viên quản lý chủ chốt |
| - Thành viên gia đình của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng | Thành viên gia đình của thành viên quản lý chủ chốt |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

| Họ tên | Chức danh | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị | | 660.000.000 | 660.000.000 |
| Ông Bùi Quang Khoa | Chủ tịch | 285.000.000 | 360.000.000 |
| Ông Bùi Quang Minh | Phó Chủ tịch | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Ông Trần Hoàng Nghĩa | Thành viên | 135.000.000 | 60.000.000 |
| Bà Trần Thị Phương Mai | Thành viên | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Ông Phạm Tất Phú | Thành viên | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát | | 132.000.000 | 132.000.000 |
| Bà Lê Thị Minh Giang | Trưởng Ban kiểm soát | 60.000.000 | 60.000.000 |
| Bà Trần Thị Thanh Thủy | Thành viên | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Bà Trần Thị Tinh | Thành viên | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Thu nhập của Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác | | 2.806.199.355 | 3.400.599.318 |
| Ông Bùi Quang Minh | Tổng Giám đốc | 620.084.153 | 1.262.693.653 |
| Bà Nguyễn Thị Thu | Phó Tổng Giám đốc | 1.535.527.510 | 1.541.480.280 |
| Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên | Kế toán trưởng | 650.587.692 | 596.425.385 |
| Cộng | | 3.466.199.355 | 4.192.599.318 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------------------|----------------|----------------|
| | | | | |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ | Cùng thành viên quản lý chủ chốt | Giá trị được hưởng từ hợp đồng hợp tác kinh doanh | 6.700.000.000 | 7.856.920.839 |
| | | Bán hàng hóa và dịch vụ | 713.778.845 | - |
| | | Bán tài sản, công cụ dụng cụ | 727.272.727 | - |
| | | Mua hàng hóa, dịch vụ | 790.395.482 | 831.205.766 |
| | | Vay tiền | - | 40.400.000.000 |
| | | Trả tiền vay | 8.200.000.000 | 32.200.000.000 |
| | | Lãi vay phải trả và đã trả | 7.556.164 | 385.536.986 |
| | | Cho vay | 98.050.000.000 | 10.000.000.000 |
| | | Thu nợ cho vay | 63.050.000.000 | 10.000.000.000 |
| | | Lãi cho vay phải thu | 953.050.000 | 187.197.261 |
| | | Thu lãi cho vay | - | 187.197.261 |
| | | Cổ tức được chia và thu tiền cổ tức được chia | 6.115.124.400 | 5.995.220.000 |
| | | Cổ tức phải trả và đã trả | 3.303.454.800 | 4.129.318.500 |
| Góp vốn cổ phần | 5.995.220.000 | - | | |
| Nhận chuyển nhượng cổ phần | 27.500.000.000 | - | | |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ từ Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội | | | | |
| Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | Cùng thành viên quản lý chủ chốt | Thu tiền bán hàng | 6.700.000.000 | 1.500.000.000 |
| | | Chia cổ tức | 1.615.026.500 | 1.615.026.500 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Trong kỳ kế toán, Nhóm Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay | Đơn vị tính: VND |
|-------------------------------------------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------|
| | | | | Năm trước |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông | Công ty liên kết | Vay tiền | - | 10.000.000.000 |
| | | Trả tiền vay | - | 22.000.000.000 |
| | | Lãi vay phải trả | - | 1.285.775.344 |
| | | Trả tiền lãi vay | - | 1.497.501.371 |
| | | Cổ tức phải trả | 9.889.920.000 | 12.362.400.000 |
| | | Cổ tức đã trả | 9.889.920.000 | 20.362.400.000 |
| | | Cổ tức được chia và thu tiền cổ tức được chia | 10.562.041.500 | 10.562.041.500 |
| | | Bán hàng hóa, dịch vụ | 118.631.777.281 | 96.345.083.560 |
| | | Cổ tức được chia và thu tiền cổ tức được chia | 933.359.500 | 933.359.500 |
| | | Bán hàng hóa và dịch vụ | 20.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt | Công ty liên kết | Cổ tức được chia và thu tiền cổ tức được chia | 7.064.200.000 | 10.596.300.000 |
| | | Góp vốn đầu tư vào công ty liên kết | 17.660.500.000 | - |
| | | Chuyển nhượng khoản đầu tư | 26.000.000.000 | - |
| | | Công ty Cổ phần An Tượng Việt cho Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Hoàng Việt | | |
| | | Cho vay | 10.700.000.000 | - |
| | | Thu tiền cho vay | 10.700.000.000 | - |
| | | Lãi cho vay được nhận và đã nhận | 32.967.123 | - |



17/12/2023

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh); hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo lĩnh vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Tổng Giám đốc xác định việc ra các quyết định quản lý của Nhóm Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm và dịch vụ cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Nhóm Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do đó, Nhóm Công ty chỉ trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực địa lý. Nhóm Công ty được tổ chức thành các bộ phận kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp như sau:

- Kinh doanh các sản phẩm từ giấy;

- Các dịch vụ khác: Doanh thu, kết quả hoạt động và tài sản của bộ phận này chiếm tỷ trọng dưới 10% tổng doanh thu, kết quả hoạt động và tài sản của Nhóm Công ty nên thông tin của bộ phận này được trình bày tại phần quản lý chung của Nhóm Công ty.

Thông tin về doanh thu, chi phí và lợi nhuận kế toán trước thuế của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh trong năm sau:

2.1 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

| | Kinh doanh các sản phẩm từ giấy | | | Cộng |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------|
| | Doanh thu thuần | Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp | Chi phí tài chính và phần lỗ trong công ty liên kết | |
| Doanh thu thuần | 1.128.845.037.579 | 8.006.236.254 | - | 1.136.851.273.833 |
| Thu nhập khác | - | - | 28.137.544.200 | 28.137.544.200 |
| Tổng doanh thu, thu nhập | 1.128.845.037.579 | 8.006.236.254 | 28.137.544.200 | 1.185.118.817.973 |
| Giá vốn hàng bán | 1.070.710.460.447 | 2.101.695.199 | - | 1.072.812.155.646 |
| Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp | 34.954.019.764 | - | 19.216.838.580 | 54.170.858.344 |
| Chi phí tài chính và phần lỗ trong công ty liên kết | - | - | 29.079.283.005 | 29.079.283.005 |
| Chi phí khác | - | - | 5.174.769.758 | 5.174.769.758 |
| Tổng chi phí | 1.105.664.480.211 | 2.101.695.199 | 53.470.891.343 | 1.161.237.066.753 |
| Lợi nhuận trước thuế | 23.180.557.368 | 5.904.541.055 | (22.546.498.677) | 6.538.599.746 |

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho đến cuối kỳ, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

| Các bên liên quan | Mối quan hệ | Nội dung nghiệp vụ | Giá trị khoản phải thu/(phải trả) | |
|-------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------|
| | | | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Toàn Lực | Cung thành viên quản lý chủ chốt | Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ (Thuyết minh V.3) | 19.759.970.801 | 25.959.970.801 |
| Công ty Cổ phần Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô | Công ty liên kết | Trả trước tiền mua hàng (Thuyết minh V.4) | 6.507.395.948 | 6.507.395.948 |
| Công ty Cổ phần Dầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt | Công ty liên kết | Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ (Thuyết minh V.3) | 1.084.623.871 | 7.691.457.600 |
| Công ty Cổ phần Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ | Cung thành viên quản lý chủ chốt | Phải thu chuyển nhượng khoản đầu tư (thuyết minh V.6) | 26.000.000.000 | - |
| | | Phải thu từ bán hàng hóa và dịch vụ (thuyết minh V.3) | - | 4.540.000.000 |
| | | Phải thu tiền hợp tác kinh doanh (Thuyết minh V.6) | 4.200.000.000 | - |
| | | Phải thu cho vay (Thuyết minh V.5) | 35.000.000.000 | - |
| | | Phải thu tiền lãi cho vay và cổ tức được chia (Thuyết minh V.6) | 953.050.000 | - |
| | | Phải trả tiền vay (Thuyết minh V.15) | - | 8.200.000.000 |

Đơn vị tính: VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

| | Giá trị sổ sách | |
|------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2025 | 01/01/2025 |
| Nợ phải trả tài chính | | |
| Phải trả cho người bán | 51.964.500.168 | 91.140.838.900 |
| Chi phí phải trả | 331.064.864 | 821.539.573 |
| Phải trả khác | 686.858.002 | 965.704.519 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 413.020.056.307 | 353.046.153.170 |
| Cộng | 466.002.479.341 | 445.974.236.162 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Nhóm Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, phải thu khác, phải trả người bán, và phải trả khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khách hàng được Nhóm Công ty đánh giá dựa trên thông tin về khả năng trả nợ của từng khách hàng. Trên cơ sở đánh giá này, Nhóm Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Nhóm Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.

- Các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các tài sản tài chính khác và nợ phải trả tài chính khác được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31/12/2025, tài sản đảm bảo của Nhóm Công ty cho các khoản vay tại các Ngân hàng Thương mại:

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và kỳ hạn còn lại dưới một năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Quận 3 (xem thuyết minh số V.2).
- Hàng tồn kho là giấy các loại của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem tại thuyết minh số V.8).

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các khoản cho vay).

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Nhóm Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2.2 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

| | Kinh doanh các sản phẩm từ giấy | | Cung cấp dịch vụ | Phần quản lý chung | Cộng |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------|------------------|-------------------------|--------------------------|
| | 31/12/2025 | 01/01/2025 | | | |
| Doanh thu thuần | 1.179.906.771.440 | 8.971.083.780 | - | - | 1.188.877.855.220 |
| Thu nhập khác | - | - | - | 34.578.954.657 | 34.578.954.657 |
| Tổng doanh thu, thu nhập | 1.179.906.771.440 | 8.971.083.780 | - | 38.097.479.926 | 1.226.975.335.146 |
| Giá vốn hàng bán | 1.111.945.515.190 | 3.880.127.268 | - | - | 1.115.825.642.458 |
| Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp | 22.767.968.990 | - | - | 48.579.151.301 | 71.347.120.291 |
| Chi phí tài chính và phân lỗ trong công ty liên kết | - | - | - | 28.383.387.811 | 28.383.387.811 |
| Chi phí khác | - | - | - | 50.740.403 | 50.740.403 |
| Tổng chi phí | 1.134.713.484.180 | 3.880.127.268 | - | 77.013.279.515 | 1.215.606.890.963 |
| Lợi nhuận trước thuế | 45.193.287.260 | 5.090.956.512 | - | (38.915.799.589) | 11.368.444.183 |

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

| | 31/12/2025 | | 01/01/2025 | |
|------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Giá trị sổ sách | Dự phòng | Giá trị sổ sách | Dự phòng |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 7.960.433.233 | - | 59.472.354.548 | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 11.200.000.000 | - | 59.800.259.341 | - |
| Phải thu khách hàng | 243.686.655.837 | 38.975.898.941 | 265.061.518.752 | 45.522.831.708 |
| Các khoản phải thu khác | 44.170.438.671 | - | 1.821.818.866 | - |
| Phải thu về cho vay | 38.912.192.473 | - | - | - |
| Đầu tư tài chính | 194.104.160.000 | 753.500.000 | 141.608.940.000 | 753.500.000 |
| Cộng | 540.033.880.214 | 39.729.398.941 | 527.764.891.507 | 46.276.331.708 |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty thực hiện việc xem xét sự suy giảm chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Đầu tư tài chính và cho vay

Nhóm Công ty nhận thấy mức tập trung độ rủi ro tín dụng đối khoản đầu tư và cho vay là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay và nợ ở mức mà Nhóm Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Nhóm Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

| | Đơn vị tính: VND | | |
|--------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm | Cộng |
| Số cuối kỳ (31/12/2025) | 461.902.479.341 | 4.100.000.000 | 466.002.479.341 |
| Phải trả cho người bán | 51.964.500.168 | - | 51.964.500.168 |
| Phải trả khác | 331.064.864 | - | 331.064.864 |
| Chi phí phải trả | 686.858.002 | - | 686.858.002 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 408.920.056.307 | 4.100.000.000 | 413.020.056.307 |
| Số đầu kỳ (01/01/2025) | 435.087.936.162 | 10.886.300.000 | 445.974.236.162 |
| Phải trả cho người bán | 91.140.838.900 | - | 91.140.838.900 |
| Phải trả khác | 821.539.573 | - | 821.539.573 |
| Chi phí phải trả | 779.404.519 | 186.300.000 | 965.704.519 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 342.346.153.170 | 10.700.000.000 | 353.046.153.170 |

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức kiểm soát được. Nhóm Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính và từ các nguồn vốn huy động khác.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Nhóm Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán) và các khoản vay có gốc ngoại tệ.

Nhóm Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa các rủi ro về ngoại hối.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro ngoại hối bằng các xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Nhóm Công ty mua bán sản phẩm, nguyên vật liệu, dịch vụ và vay vốn có gốc ngoại tệ trong tương lai.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản vay và nợ với lãi suất thả nổi.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Nhóm Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá hàng hóa

Nhóm Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên cho Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán.

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm 2025, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy Tiên

Tổng Giám đốc



Bùi Quang Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2026

Số: 237/CV-AASCS

V/v: Đính chính Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

Kính gửi:

- Các cổ đông Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông
- Các bên có liên quan

Căn cứ Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính giữa Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông và Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS);

Căn cứ vào Báo cáo kiểm toán số 391BCKT/TC/2026/AASCS ngày 30 tháng 03 năm 2026 về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông.

Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông đính chính thông tin được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) như sau:

Tại Chỉ tiêu 440 – “Tổng cộng nguồn vốn” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (Trang 10) đã được kiểm toán đính chính lại thông tin đúng như sau:

| Chỉ tiêu | Mã số | Nội dung trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất trước đính chính | Nội dung trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đính chính |
|---------------------|-------|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| Tổng cộng nguồn vốn | 440 | 1.122.116.779.441 | 1.122.102.231.249 |

Lý do đính chính: Do lỗi trong quá trình cập nhật dữ liệu khi in ấn. Các nội dung khác còn lại trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông đã kiểm toán không thay đổi hoặc ảnh hưởng đến các số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông đã kiểm toán được công bố vào ngày 30 tháng 03 năm 2026.

Văn bản đính chính này là bộ phận không tách rời và được đọc đính kèm với Báo cáo tài chính kiểm toán số 391BCKT/TC/2026/AASCS ngày 30 tháng 03 năm 2026 về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông.

Trân trọng kính chào!

Xác nhận của


Tạ Quang Long
Phó Tổng Giám đốc


Bùi Quang Minh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VIỄN ĐÔNG



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2026



**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

TRẦN HOÀNG NGHĨA



- 806 Âu Cơ, Phường Tân Bình, TP. HCM
- (028) 38428633
- (028) 38425880
- www.dautuviendong.vn